

# VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOẢNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ X. Số 102-103. (Mồng 8-2 đến Mồng 8-3 T.M.), P. L. 2514

Hội-Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-Lý Phật-Giáo Trung-Việt  
và Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học duyệt y.

Tháng 8 năm 1954  
H. Lương

# MỤC LỤC



- |  |                               |
|--|-------------------------------|
| 1) Lời nói đầu                               | <i>Viên-Âm</i>                |
| 2) Kinh Ưu-Bà-Tác Giới                       | <i>Thích Trí-Quang</i>        |
| 3) Vài đặc điểm của đạo Phật                 | <i>Thích Minh-Châu</i>        |
| 4) Con người với bản-tánh và vận mệnh của nó | <i>Kao-Khà-Chinh</i>          |
| 5) Vàng bóng Cao Tăng                        | <i>Giải-Thoát-Trí</i>         |
| 6) Tinh-túy của Phật-Giáo                    | <i>Cư-sĩ Quảng-Luân</i>       |
| 7) Diển-Văn                                  |                               |
| 8) Hành-dộng của Phật-Tử                     | <i>Thích Chơn-Trí</i>         |
| 9) An-Xương                                  | <i>Một Thiểu-niên Phật-tử</i> |
| 10) Tin tức                                  |                               |

## CÁO BẠCH

Viên-Âm hai kỳ 102 - 103 này phải chậm trễ vì in số đôi và nhân viên Tòa soạn Viên-Âm lo công việc vận động Hội Nghị Thống Nhất Phật Giáo. Kỳ tới tháng tư (số 104) và tháng năm (105) cũng sẽ phải ra số đôi vì đề kéo lại sự phát hành khỏi chậm trễ. Vậy xin độc giả hoan hỷ.

V. A.

## U'U BÀ TẮC GIỚI

( số 6 )

THÍCH TRÍ-QUANG

## VII. — [LẬP NGUYỆN RỘNG LỚN.

— Bạch Đức Thế Tôn ! Nghiệp nhân ba mươi hai điều tướng như vậy ai thật hành được ?

— Thiện nam tử ! Trí giả thật hành được.

— Thế nào gọi là người trí-giả ?

— Nếu ai phát được chí nguyện rộng lớn vô thượng thì người ấy gọi là trí giả.

Bồ-tát đại sĩ phát tâm bồ-đề rồi, bao nhiêu thiện nghiệp của thân thể, lời nói, và ý nghĩ đều nguyện vì chúng sinh mà làm, lại nguyện đem kết quả ấy cho chúng sinh hưởng thọ. Bồ tát đại sĩ nguyện thường thân cận Chư Phật Bồ-Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, liệt vị Thiện-Tri-Thức, đề cung kính phụng sự, học hỏi Chánh-pháp sâu xa và thọ trì không mất.

Bấy giờ Bồ tát phát nguyện : Tôi nay thân cận Chư Phật, Thanh văn, Duyên Giác, thiện hữu tri-thức như thế này, dù vô số đời kiếp chịu khổ sở vĩ đại, nhưng với đại bồ-đề tâm không thoái chuyển. Chúng sinh ác

tâm đánh mắng hủy nhục thân tôi, tôi nguyện do đó, tâm tôi càng tăng thêm từ bi, không phát khởi một niệm sân hận. Nguyện tôi sau nay, ở đâu cũng không làm thân phụ nữ, thân không nam căn, thân bán nam bán nữ. hay thân tôi mọi; nguyện thân tôi đầy đủ tự do để giáo hóa mọi người, không bị người sai sử. Nguyện thân tôi cơ quan đầy đủ, không sống với người ác. Không sinh ở những chỗ dã man tàn bạo, thường sinh chỗ văn minh, tướng tốt sức khỏe đầy đủ, đầy đủ tiền tài, được tư tưởng tốt, tư tưởng tự do, tư tưởng lành mạnh, nói ra người nghe thừa nhận, giải thoát tất cả chương ngại cùng tất cả mọi sự phóng túng, từ bỏ hết thấy hành động độc ác của thân thể lời nói, và ý nghĩ, thường vì toàn thể chúng sinh hành động những điều lợi ích vĩ đại, vì chúng sinh không tiếc tánh mạng, không vì tánh mạng mà làm điều ác, làm lợi cho người không cầu đền trả, luôn luôn say mê thọ trì giáo pháp của 12 loại khổ kinh, thọ trì rồi dạy lại cho người, phá hoại tất cả tư tưởng ác hành động ác của chúng sinh, tất cả thế sự biết hơn mọi người, biết rồi dạy lại cho tất cả, khéo điều trị hết thấy bệnh nặng nơi thân thể nơi tâm trí của chúng sinh, thấy ly gián khéo hòa hợp, thấy khiếp sợ khéo cứu giúp, cứu giúp rồi nói chánh pháp, cho họ nghe để tâm họ được điều phục, thấy người đói khát bố thí thân thể cho họ no đủ, nguyện họ đừng sinh tâm niệm tham ác, ăn thân tôi như ăn cỏ, thường thích phụng sự sư trưởng, cha mẹ, thiện hữu và các vị cao đức, với người thân kẻ thù, tâm lý bình đẳng, xem in như một, thường thật hành 6 thứ tướng niệm, phép quán vô ngã, 12 nguyên lý nhân duyên cũng thường quán sát, dù ở chỗ không có

Phật Pháp Tăng cũng vẫn tu tập từ, bi, hỷ, xả, nguyện tất cả chúng sinh thấy thân thể tôi, hoặc nghe nói, hoặc xúc chạm, đều hết sạch phiền não. Bồ tát biết ngoài trí giác vô thượng không cầu gì nữa, nhưng vì chúng sinh, vẫn cầu để ích lợi.

Thiện nam tử ! Nếu lập được chí nguyện vĩ đại như thế thì phải biết người ấy là vị trưởng giả cao cả, đủ chánh pháp đủ tài sản. Người ấy là người cầu địa vị pháp-vương nhưng chưa được địa vị pháp vương mà thôi.

Thiện nam tử ! Bồ tát đầy đủ ba điều sau đây thì gọi là vị trưởng giả đầy đủ chánh pháp và tài sản, là tâm không mê say sách vở của ngoại đạo, tâm không tham đắm an vui trong sinh tử, nhưng tâm thường ưa thích phụng sự Phật Pháp Tăng ba ngôi vô thượng. Lại có ba điều, là vì người chịu khổ lòng không hối hận, đầy đủ trí tuệ cao xa sâu sắc, và đầy đủ điều tốt mà tâm không kiêu ngạo. Lại có ba điều, là vì chúng sinh mà chịu khổ ở địa ngục cũng vui như tam thiên, thấy người có lợi tâm không ganh ghét, và làm lành không vì khiếp sợ sinh tử. Lại có ba điều, là thấy người khổ thì xem như mình khổ, làm điều lành gì cũng vì chúng sinh, và tìm đủ phương tiện giải thoát chúng sinh ra khỏi khổ não. Lại có ba điều, là xem cái vui sinh tử như nọc rắn độc, nhưng thích ở sinh tử để lợi ích chúng sinh, và quán vô sinh pháp nhân đầy đủ hết thấy diệu đức. Lại có ba điều, là hy sinh thân thể, hy sinh tánh mạng và hy sinh tài sản, hy sinh ba thứ ấy đều vì chúng sinh.

Lại có ba điều, là học nhiều không chán, nhẫn nhịn các điều ác, và khuyên người thật hành đức nhẫn. Lại có ba điều, là xét lỗi của mình, che lỗi của người, và luyện tập từ bi. Lại có ba điều, là nhất tâm giữ gìn tịnh giới, giáo hóa chúng sinh bằng bốn nhiếp pháp, và nói năng như hòa hợp lý. Lại có ba điều, là hay đại bố thí chánh pháp, hay đại bố thí tài sản, và đem hai thứ bố thí khuyên chúng sinh thật hành. Lại có ba điều, là thường giáo hóa chúng sinh bằng chánh pháp đại thừa, thường thật hành diệu hạnh vô thượng tăng tiến, và thường không sinh tư tưởng khinh thị đối với hết thảy muôn loài. Lại có ba điều, là đủ cả, phiền não mà nhẫn nhịn được, biết lỗi phiền não mà không chán bỏ, và mình đủ phiền não mà phá hoại được phiền não cho người. Lại có ba điều, là thấy người được lợi hoan hỷ như mình được, mình được lợi không hưởng lấy một mình, và không sinh ý niệm đầy đủ đối với chánh pháp tiểu thừa. Lại có ba điều nữa, là nghe các khổ hạnh của Bồ tát tâm không khiếp sợ, thấy ai đến cầu xin không bao giờ nói không có, và không bao giờ nghĩ rằng ta hơn tất cả.

Thiện nam tử ! Bồ tát nếu có thể quán sát nhân quả, có thể từ nguyên nhân quán sát kết quả, có thể từ kết quả quán sát nguyên nhân, thì vị Bồ tát ấy có thể đoạn nhân quả cần đoạn, có thể được nhân quả cần được. Bồ tát nếu có thể đoạn nhân quả và có thể được nhân quả như thế, thì gọi là kết quả của các pháp, là tự tại đối với các pháp.

Thiện nam tử ! Bồ tát có hai, có vị tại gia có vị xuất gia. Xuất gia Bồ tát lập chí nguyện rộng lớn như

trên, điều ấy không khó, tại gia bồ tát lập được mới rất khó khăn, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều ác liệt bao vây.

### VIII. — BỒ TÁT GIẢ THẬT.

— Bạch Đức Thế Tôn ! Như Đức Thế Tôn thường dạy Bồ tát có hai, có vị giả danh, có vị chân thật. Vậy thế nào là một vị bồ tát giả danh ? Thế nào là một vị bồ tát chân thật ?

— Thiện nam tử ! Bồ tát giả danh là nếu lập chỉ nguyện mong cầu Trí giác vô thượng rồi mà ưa thích đọc tụng sách vở ngoại đạo và các huyền thuật của họ, lại đem những thứ ấy dạy chỉ cho người, vì tính mạng của mình giết sự sống của người, không thích thật hành từ bi chỉ thích dục lạc sinh tử, thường gieo những nguyên nhân mong được an lạc trong sinh tử, không có chánh tín, với ba ngôi vô thượng tâm trí nghi ngờ, tiếc rẽ thân mạng không dám nhẫn nhục chịu ngôn ngữ lỗ mề, phóng túng trụ lạc, với tự thân mình luôn luôn tự khinh, rằng ta không thể được Trí giác vô thượng, với các phiền não sinh ý khiếp sợ, nhưng cũng không thi hành những phương pháp đoạn trừ phiền não, tham lẫn, sân hận gồm với ganh ghét, luôn luôn bằng bột trong tâm, thân cận người ác, loạn động giải đãi, bằng lòng vui mình trong vô minh, không tin ba la mật, không thích từ thiện, không xét sinh tử, luôn luôn làm theo lời ác của người, những người như thế gọi là giả danh bồ tát. Thiện nam tử ! Lại có những người lập chỉ nguyện mong cầu Trí giác vô thượng rồi nghe nói phải nhiều thời gian khổ hạnh thật hành mới được trí giác ấy.

nghe rồi lòng đâm hối hận, chán nản dù thật hành chánh pháp tâm cũng không chân thật, không có tâm quý, không thương chúng sinh, ưa thích phụng sự trời chúa quỷ thần, giết dê giết bò tế tự, dù có chút ít tín tâm cũng không kiên cố, vì các thứ khoái lạc mà làm đủ điều ác, ý thị sắc đẹp tài sản, tâm sinh kiêu ngạo, hành động điên đảo không lợi ích ai, vì vui sinh tử mà làm bố thí, vì vui thiên đường mà giữ cấm giới, dù tập thiền định là vì sống lâu, những người như thế gọi là giả danh Bồ tát.

Thiện nam tử ! Bồ tát chân thật là lập chí nguyện mong cầu Trí giác vô thượng rồi, có thể nghe được chánh pháp thậm thâm, thân cận thiện hữu trí thức, ưa thích phụng sự sư trưởng, cha mẹ, thiện hữu, và tất cả mọi người, ưa thích nghe học 12 loại khế kinh của Như lai, thọ trì, đọc tụng, viết chép và suy nghĩ thật hành nghĩa lý mà 12 loại khế kinh ấy, vì cần chánh pháp không tiếc tinh mạng, không tiếc vợ con tài sản, tâm trí kiên cố thương yêu tất cả, ngôn ngữ nhu hòa, niềm nở nói trước, nói chân thật, không nói thô ác, không nói ly gián, không nói thêu dệt, với tự thân mình không sinh ý tưởng khinh thị, đưa tay cho tất cả, không tiếc cất thứ gì, thường thích điều luyện mài dũa kiếm báu trí tuệ, học sách ngoại đạo nhưng để cho thắng hơn tà kiến ngoại đạo và để đánh đổ tà kiến ngoại đạo, khéo biết phương tiện điều phục chúng sinh, với đại chúng không khiếm nhược, thường bảo chúng sinh Trí giác để được, làm cho người nghe lòng không ngại, siêng tu tinh tiến, khinh thị phiền não, dẫn ép phiền não không cho tự do, tâm không phóng túng, không bao giờ bỏ sự thật hành từ bi nhẫn nhịn, vì đại giải thoát



mà giữ giới và tinh tiến, tự nguyện làm người cung phụng chúng sinh, làm cho họ an lạc thù thắng, vì người chịu khổ lòng không hối hận, thấy ai thoái chí bỏ dề lòng rất ái ngại, dù sức cứu vớt và thường cứu vớt tất cả khổ não, quán sát rõ ràng tất cả tội ác sinh tử, thật hành triệt để tất cả các pháp lục độ, việc đời làm gì cũng hơn mọi người, chánh tín kiên cố, thật hành đầy đủ đại từ đại bi, nhưng không hy vọng quả báo từ bi hỷ xả, với người thân với kẻ thù tâm lý bình đẳng, không chia hai không phân biệt, khí bố thí tài sản lòng rất bình đẳng, bố thí thân thể cũng y như vậy, biết lẽ vô thường chẳng tiếc tánh mạng, nhiếp pháp, theo lý thế để nên biết rõ và tùy thuận ngôn ngữ chúng sinh, khi vì chúng sinh chịu khổ thì tâm trí bất động như núi tu di, thấy người làm ác không ghét, thấy chút lành không bỏ, với Phật Pháp Tăng chánh tín thâm cố, say mê phụng sự, được chút ít của cải thì bố thí người nghèo khổ trước, sau mới phụng hiến người trên, vì người thì vì nghèo trước vì giàu sau, khen ngợi điều tốt của người, mở cửa giải thoát cho họ, tất cả kỹ nghệ đều muốn dạy vẽ cho người, người học hơn mình lòng rất hoan hỷ, không bao giờ nghĩ đến lợi mình, luôn luôn suy nghĩ lợi ích mọi người, bao nhiêu từ thiện của thân thể, lời nói và ý nghĩ đã hành động đều vì người quyết không bao giờ vì mình, như thế gọi là chân thật bồ tát.

Thiện nam tử ! Bồ tát có hai, có vị tại gia, có vị xuất gia. Xuất gia bồ tát làm bồ tát chân thật, điều ấy không khó, tại gia làm được, mới rất khó khăn, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều áo liệt bao vây.

(Còn nữa).

# MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM ĐẠO PHẬT

« Giảng tại nhà Đại Chúng ngày mười một tháng hai năm Tân-Mão P. L. 2514 nhân ngày Kỷ-niệm chu niên thứ 19 của Hội Việt - Nam Phật - Học »

THÍCH MINH-CHÂU

## Nam mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa các Ngài,

Thưa các Đạo-hữu,

Trên lịch-sử tiến-hóa nhân-loại, đời sống hai hạng người Siêu-Việt thường nổi hẳn trên sự bình-thản của những kẻ tầm thường: một hạng là những nhà chinh-phục, dùng sức mạnh hung bạo để điều-phục ngự-trị muôn loài; một hạng là những nhà đạo-sĩ, dùng từ-bi trí-huệ mà cảm-hóa nhiếp thiện nhơn-tâm. Và lịch-sử chứng-minh rằng, sức mạnh bạo tàn đến đâu cũng đeo rắc khiếp đâm đau khổ và chỉ chinh phục nhơn tâm trong nhất thời; Còn sức cảm hóa của từ bi trí tuệ toàn tung vải niêm hoan-hỷ an lạc; và ảnh hưởng cùng lòng cảm phục được tiếp nối từ thế-hệ này qua thế-hệ khác.

Trong tất cả các vị đạo-sĩ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể nói là vị đạo-sĩ có lòng từ bi cao cả nhất, có một trí sáng suốt tuyệt luân nhất; và sức mạnh cảm hóa của ngài trải hơn 2500 năm lịch sử, vẫn còn đeo mạnh trên hàng trăm triệu Phật tử.

Trong thời đại chiến tranh nước lửa này, nhìn đến phương trời nào cũng chỉ thấy chiến tranh đau khổ, chúng tôi nghĩ cần phải giới thiệu những đặc điểm về giáo pháp đức Phật, một vị giáo chủ được xem là tượng trưng cao đẹp cho hòa bình nhơn đạo: Và cũng để tìm hiểu vì sao, trong hơn 1500 năm truyền

bá, đạo Phật chưa bao giờ gây một sự xung đột, một trận chiến tranh tôn giáo nào.

Trong khi trình bày một vài đặc điểm đạo Phật, chúng tôi còn có ước vọng đính chánh một vài sự hiểu lầm về Phật Pháp, xóa bỏ những bụi mờ che phủ chánh giáo với lòng trông mong ánh sáng giác ngộ giải thoát, nước Cam lồ từ bị bình đẳng được deo rải và thấm nhuần cùng khắp tất cả quốc độ.

Thưa các Ngài,

Thưa các Đạo-hữu.

Giáo lý đạo Phật rộng lớn mênh mông. Và những đặc điểm của giáo lý ấy không thể diễn tả cho đủ trong thời hạn ngắn một tiếng đồng hồ. Trong buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi chỉ xin giới thiệu với các ngài và các đạo hữu bốn điểm căn bản của giáo lý ấy : Đạo Phật là đạo giác ngộ, giải thoát, từ bị và bình đẳng.

Đặc điểm thứ nhất : Đạo Phật là đạo giác ngộ. Trong các vị giáo-chủ, chỉ có đức Phật tuyên bố rõ ràng nguyên nhân đau khổ không phải do một sự tài định bí mật nào, không phải do dục vọng, không phải do sự thiếu thốn về vật chất. Nguyên nhân chính đau khổ là vô minh, dịch là mê mờ không sáng suốt, nghĩa là không nhận chân sự thật, không sống như thật. Không nhận chân sự thật là không hiểu rõ thể tướng chân thật của các pháp, không rõ những định lý chi phối các pháp ; không sống như thật nghĩa là sống trái với thể chân thật, sống ngược những định lý chi phối sự vật giữa vũ trụ.

Kinh Lăng Nghiêm có câu : « Hết thầy chúng sanh từ vô thì đến nay, sống chết nối liền chỉ vì không biết thể chơn-tâm trong sạch sáng suốt, chỉ theo các vọng tưởng ! Vì vọng tưởng là vọng nên phải luân hồi ». Thể của hư-không là rộng lớn cùng khắp, không hình tướng, không sanh diệt. Chúng ta mê mờ tạo thành những sắc tướng, vuông tròn nên thấy có hư không vuông tròn. Đã có hình tướng, hư không vuông tròn, thì

hình tướng ấy sẽ biến đổi sinh diệt tùy theo sự biến đổi sanh diệt của sắc tướng. Chúng sanh cũng vậy. Chúng ta bỏ mất bản thể chơn tâm rộng lớn cùng khắp, thoát ngoài hình tướng, không có sinh diệt, chấp thân nhỏ hẹp này làm tự thân, nên phải theo thân biến diệt, sống chết luân hồi đau khổ. Vô-minh ở nơi đây là không nhận chân bản-thể rộng lớn không sanh diệt, chỉ biết sống cho tự-thân, lo cho gia-đình riêng, lo cho tổ-quốc riêng biệt, không biết sống vì người, vì nhân loại, vì tất cả chúng sanh.

Xưa một vị hoạn-quan hỏi ngài Trương quốc-sư: “vô-minh là gì? Ngài Trương quốc-Sư đáp: *Đời mặt-pháp có học, những hạng người ngu đốt cũng tìm hiểu đạo Phật*». Vị Hoạn-quan tức giận đỏ mặt. Ngài Trương-quốc sư liền đáp: *Đó tức là vô-minh*. Ở nơi đây, vô-minh là những tánh tham, sân, si phiền não ô-trược, chất chứa trong tự thân của mọi loài và luôn luôn phát-hiện để làm nao-loạn và dục tự-tánh thanh-tịnh sáng-suốt của chơn tâm.

Kinh Lăng-Nghiêm lại có câu: “*Có lập tri-kiến là vô-minh, tri kiến không kiến là Niết-bàn*». Nghĩa là đã có lập tri kiến thời đầu là tri kiến chơn chánh tức phân biệt có năng-kiến sở-kiến, do vậy có thân sơ, căn-cạnh đối-dãi, phát sanh ngàn vạn trần-lao phiền-não.

Chúng ta thường thấy có người rất yếu, gặp nhà cháy có thể khiêng ra những rương bàn rất nặng. Chính vì quá tiếc của cải không còn phân biệt sức mình yếu, đồ vật nặng, nên mới được những sức mạnh phi thường như vậy. Người mẹ có những cử chỉ hy-sinh vi-dại cho con, vì các bà mẹ thấy máu thịt của con là máu thịt của chính mình. Các vị chiến-sĩ không sợ sống nạn trên bãi chiến trường, vì họ chỉ thấy lá cờ tổ-quốc, không có tự thân có thể bị nguy-hiểm. Ngày xưa, ngài Cưu-ma-la-thập lúc 7 tuổi theo mẹ vào chùa, thấy cái bát sắt rất lớn tôi cầm đội lên, bỗng móng niệm cho cái bát là nặng, liền buông lên không nổi nữa. Chính vì niệm phân biệt thứ hai cho có cái

bát nặng hơn tự sức mình nên bị bắt sát chi phối ảnh hưởng. . .  
VÔ-MINH ở nơi đây là phân biệt chấp-trước, là niềm thứ  
hai. . . nên văn Cảnh-Sách có câu : « Cho là có chứng tức chấp  
có, cho là không chứng tức chấp không, nhứt niệm không sanh  
thời dứt sạch mọi mê-mờ. Như đứng trong im bóng hình tự diệt.

VÔ-MINH đã có nghĩa là mê mờ, thời chúng ta sẽ hỏi  
chính Vũ-trụ mê mờ hay con người mê mờ ? và làm thế nào  
để diệt trừ mê mờ ấy.

Bộ « ngũ đặng hội nguyên có chép : \* một hôm ngài Văn  
Thù Sư Lợi bảo Thiện Tài đồng-tử rằng : « Người tìm xem  
cây cỏ ở quả đất này, cái gì là thuốc độc, hãy đem vào đây »,  
Thiện Tài đồng-tử khắp xem cây cỏ đều toàn là thuốc độc liền  
thưa rằng : \* Tôi thấy toàn là thuốc độc ». Ngài Văn Thù lại  
bảo : Vậy người hãy tìm xem cái gì là thuốc hay ? Thiện Tài  
đồng tử khắp xem cây cỏ đều toàn là thuốc hay liền thưa rằng :  
Tôi thấy đều toàn là thuốc hay ». Ngài Văn Thù mới cầm một  
ngọn cỏ bảo đại-chúng rằng : ngọn cỏ này có thể là thuốc độc  
hại người, cũng có thể là thuốc hay cứu người ». Câu chuyện  
trên cho chúng ta rõ, sấm-nhung trong tay thầy thuốc mê mờ  
sẽ thành thuốc độc giết người ; và thạch-tín, mã tiền trong tay  
thầy thuốc hay sẽ thành diệu dược trị bệnh. Con người mê-mờ  
thời cây cỏ sông núi hóa thành lợi khí giết người, con người sáng-  
suốt thì vũ trụ hóa thành vật thực trường dưỡng pháp thân huệ  
mạng. Chính-trị mê-mờ thời dân hóa thành giặc, chính-trị sáng  
suốt thời giặc hóa thành dân. Ở nơi đây, đạo Phật xác nhận  
con người là trung-tâm diễm xã-hội, và muốn cải tạo xã hội  
phải bắt đầu cải tạo con người. Muốn có bóng ngay cần phải  
sửa chính thân cây, chớ không phải dời chỗ hay sửa ánh đèn.  
muốn hoán-cải Xã-hội cần phải sửa con người trước đã nhưng  
sửa thế nào ? Trong một căn nhà tối, chúng ta không thể đứng  
ngoài cầu xin, không thể đem cơm ăn áo mặc cho căn nhà dưng  
chúng ta không thể đứng ngoài đem đạo đức tuyên-truyền, Muốn  
căn nhà sáng suốt, chúng ta phải mở toang cánh cửa cho ánh

sáng chân-lý chói vào, chúng ta phải vào trong nhà thấp đèn-trí-tuệ để diệt trừ bóng tối. Con người đã vì mê-mờ mà hành động sai-lạc; thời cần phải đem chân-lý soi sáng, cần phải phát chiếu trí-tuệ cho con người; ngoài ra dùng phương-diện gì cũng chỉ là nấu cát mong cho thành cơm, đổ nước vào thùng không đáy mà mong cho đầy... Da-tràng xe cát biển đông, để biển đông tràn-ngập và phá-hoại tất cả.

Cũng vì muốn chúng sinh khỏi làm công việc da-tràng, nên đức Phật rất chú-trương nói đến sự thật cả muôn vật và những định-lý chi-phối sự vật. Nhưng chúng ta sẽ tự hỏi, đâu là giới hạn sự thật? Cái ta cảm-giác không toàn là có, cái ta không cảm-giác vị tất đã không. Cái bản chỉ có đối với mắt chúng ta, nhưng sẽ không có dưới những luồng quang-tuyến.

Cái bản là cái bản đối với con người, còn đối với con vật là món đồ ăn ngon... Cái không, cái có của con người không phải cái không cái có của con vật. Chúng ta thấy rõ ràng: « không có cái gì không một cách tuyệt-đối, không có cái gì có một cách tuyệt-đối » Sự-vật trong Vũ-trụ chỉ luôn luôn biến-hóa theo trãm hình vạn-trạng nên kinh Lăng Già có câu: « *Biết rõ-ràng, nhưng sự thật là không thật, nên nói là không, chứ không phải không biết* ». Sự thật là sự thật, cái không thật chỉ vì vọng-kiến không thật. Cũng chẳng khác ngồi trong chiếc đồ đang chèo, ta không thấy đồ đi, chỉ thấy đồ chạy, đúng như Kinh Viên-Giác đã nói: « *Sự thật không thật là chỉ như đồ đi mà chạy* ». Với lý-thuyết vô-thường, đạo Phật cho chúng ta rõ trên thời-gian, vạn-vật chỉ là những giòng sinh-diệt tương-tục không dừng nghỉ, với lý vô ngã, đạo Phật trình bày trên không-gian, vạn-vật chỉ lo những thể tổ hợp tương-quan tương-duyên. Bởi chỉ là hòa-hiệp tương-tục nên vũ trụ, từ tâm-thức đến thân thể, từ sự vật thật tại đến vũ-trụ trừu tượng, tất cả đều giả-dối biến dịch, không chắc thật, không cố định. Dưới ánh sáng Phật học, sự vật được trình bày tương-trạng chân thật của nó và người học Phật sẽ tập sống để thoát

khỏi sự ràng buộc các pháp, thoát khỏi những sự chấp trước thô phù hay tế-nhĩ, nhứt là tập dục bỏ đời sống tu-kỷ vì mình, vì gia-đình, vì chủ-kiến riêng, tập sống đời sống rộng rãi, sống vì người, vì muôn loài, vì toàn-thể chúng sinh.

Khi con người đã nhờ sáng suốt biết tập sống quên mình, thời chính con người đã bắt đầu thoát khỏi các sự ràng buộc của tự thân và hoàn cảnh. Cho nên đạo Phật đã là đạo giác-ngộ thời cũng là đạo giải-thoát. Dưới đôi mắt sáng suốt đức Phật, ngài thấy con người sống giữa đời đều bị dục vọng hoàn cảnh ràng buộc, bị chìm đắm trong bể khổ luân hồi, có thân thời phải lao khổ theo thân, cung-dưỡng xác-thân thỏa-mãn mọi sự đòi hỏi; Có thân thời phải sống chết theo thân, phải bị sanh, lão, bệnh, tử ràng buộc bức bách. Nguyên nhân chính là vì mê mờ chấp-trước, mê mờ cho GIẢ làm CHƠN, cho khổ làm vui, chấp trước thật có cái thân cái ngã cần phải cung dưỡng.

Vì vậy đức Phật, một mặt nêu rõ tất cả sự tai-hại của vật dục và sự đắm trước của thân tâm, một mặt giới thiệu sự nguy hiểm của chấp trước, và sự giả-đối của các pháp.

Cử-chỉ Thái-Tử lúc xuất-gia bỏ ngai vàng vợ con, trả lui ngọc-ngà kiếm báu, đổi chiếc áo long-bào lấy mảnh vải cà-sa, là muốn cho nhân loại đời sau hiểu rằng danh-vọng, tiền-tài, sắc đẹp không phải là hạnh-phúc chơn chánh; và sự giải thoát dục-vọng, sự giải-thoát gia-đình mới mở đầu cho sự giải-thoát của kiếp người đau khổ. Đức Phật đã từng nói rằng: *“Ta xem trước vị vương hầu như bụi qua khe cửa, xem châu báu, vàng ngọc như ngói gạch, xem y-phục tơ lụa như vật to thô xấu, xem đại thiên thế-giới như hạt A-Tử”*. Và luôn luôn đức Phật khuyên chúng ta rằng: *“Ham muốn nhiều là khổ. Sống chết khổ đau là do lòng tham dục. Từ bớt dục vọng thời thân tâm tự tại (Kinh Bát Đạ Nhân Giác).*

Và câu: *“Tìm hạnh phúc trong vật dục cũng như người khát nước rồi còn ăn đồ mặn”* (Kinh 42 chương)

Không cần biện luận nhiều, chúng ta chỉ cần một chút lương tri cũng đủ hiểu, một người tu-hành ăn mặc sung sướng, trăm món vật-chất đầy đủ thời không thể tu hành, không thể trông mong giải thoát cho mình và cho mọi người. Và chắc các ngài cũng không còn lấy làm lạ vì sao những người xuất-gia tu hành trong đạo Phật, phải ăn mặc kham-khổ đạm-bạc, sống tuân theo những giới-luật chặt-chẽ và cấm hãm không được có gia đình vợ con.

Không những trừ diệt những sự ái-dục thô-trược; Đức Phật còn đi sâu vào cảnh giới tinh-tế của con người với trăm ngàn tâm sở nhỏ-nhiệm và chú-trọng nghiệp-phục đoạn-trừ những chủng-tử kín đáo của dục-vọng. Các chủng-tử ấy, những con mắt nông cạn không thể thấy và 'lường hiểu được.

*Có một vị đạo nhân qua một chuyến đò; người lái đò, một cô thiếu-nữ rất đẹp đòi tiền gấp đôi. Vị Đạo-nhơn lấy làm lạ, Cô trả lời: « Ngài đi qua đò, Ngài còn lấy mắt ngắm tôi, nên tôi lấy thêm tiền. » Lần sau vị Đạo-nhơn cũng đi qua chuyến đò ấy, và lần này thì cúi đầu Đến bến cô lái đò đòi tiền gấp hai lần trước. Vị Đạo-nhơn cho là vô lý. Cô lái đò trả lời: « Lần này Ngài không lấy mắt ngắm tôi, nhưng Ngài lấy tâm ngắm tôi, nên giá tiền phải lấy gấp hai. »*

*Vị Đạo-nhơn hiểu ngay lời dạy của đức Phật và về tinh-tần tu-hành, sửa trị tất cả tâm niệm vi tế của cõi lòng và sau được giải thoát giác ngộ.*

Những tâm niệm vi tế như vậy ràng buộc con người vào cảnh đời ô-trược rất mạnh, nhưng đạo Phật xem không đáng sợ bằng sự chấp-trước, vì chấp-trước tức còn thấy có mình, có người, có ta, có chúng, có phiền não và giải thoát; và như vậy vẫn còn bị các pháp trói buộc sai sử.

*Trong thời đức Phật ở đời, có 500 vị La-hán chứng được túc-mạng-thông, thấy tội lỗi tự-thêm quá nhiều, liền sinh tâm thối*



thất. Ngài Văn-Thù bồ tát đứng hầu đức Phật thấy rõ tâm ý các vị La Hán, liền cầm kiếm sẵn đến trước, như muốn nghịch hại Phật. Đức Phật thân nhiên nói : rằng « Ta đã chứng vô-ngã, vô-Pháp, không thấy còn ta bị sát, không thấy có người đến sát hại làm sao người sát-hại ta được ». 500 vị La-Hán liền hiểu ngay sự giả-dối của các pháp, và chứng được vô-samã pháp nhãn. Tội lỗi mê mờ cũng chỉ là một pháp như huyền như trăm ngàn pháp thô-tế khác, và đã là một pháp giả-dối không thiệt thê, tức có thể tan biến tiêu-diệt. Nói đến đây chúng ta có thể hiểu thêm rằng, trong sự tu-hành, còn chấp trước có mình tu-hành, có mình giải-thoát, khác với người không tu-hành không giải-thoát, thời cũng là trói buộc mê-mờ. Nhưng người tu-hành còn tỏ cho mọi người biết là mình có tu - hành - thời người ấy chưa thật hiểu chơn nghĩa của sự tu - hành : và vì vậy đức Phật đã phải dạy rằng : « Giáo-pháp ta là dạy : niệm mà không chấp có niệm mới là niệm, hành mà không chấp có hành mới là hành, nói mà không chấp có nói mới là nói, tu mà không chấp có tu mới là tu ». (Kinh 42 chương).

Đối với đặc-diêm tự-tại giải-thoát của đức Phật ông Foucher trong quyển La Vie du Bouddha đã phải viết rằng : « Người du-lich ghé chân xuống thành phố Colombo, bến trạm đạo Phật đầu tiên trên con đường thủy viên-đông, tự cảm thấy sống trong hai cảnh trái ngược. Bị đưa một cách bất ngờ từ cảnh giới ồn-ào chói chan của bến tàu, đến cảnh giới im mát thanh-tĩnh của một ngôi chùa gần nhất, trong lúc những tiếng còi tàu thét vang xen lẫn tiếng rì-rào những cây dừa nước, nhà du-lich không thể không tự hỏi rằng, « nụ cười đức Phật ngồi trên tòa sen, phải chăng dành riêng cho sự múa rối vô nghĩa của đời sống Tây-Phương và cho sự ồn ào vô ích của nền văn-minh đầy những sắt thép hiện tại.

Đạo Phật đã là một đạo giác ngộ đạo giải-thoát, đạo Phật cũng là một đạo đem vui cứu khổ cho muôn loài, nên đặc-diêm của đạo Phật là TỬ-BI.

Vì thấy nước mắt đau khổ chúng sanh tràn đầy bốn bề đại dương, nên đức Phật mới xuất-gia tìm đạo. Trong 49 năm thuyết pháp, ngài chỉ có một niệm đem vui cứu khổ. Lòng từ-bi đức Phật bắt nguồn từ sự nhận định sáng-suốt nguồn gốc mê mờ đau khổ và chân giá-trị đời sống.

Trong hai phương diện cứu chúng sanh khai sáng con người và giúp con người sống đầy đủ vật-chất, đạo Phật thiên-trọng và khuyến-khích đặc biệt về pháp-thí, nghĩa là đem chân-lý soi sáng con người.

Đức Phật đã dạy rằng : *«nỗi khổ bị thiêu trong ba đường ừ, nỗi khổ bị đói khát áp bức chưa gọi là khổ»*

(Kinh 42 chương)

Đức Phật vẫn khuyến-khích sự bố-thí vật dụng, nhưng ngài thấy rằng đem vật-chất cho người là ràng-buộc con người phải nô-lệ vật-chất. Chỉ có khai sáng con người hiểu và sống như-thật mới là chơn chánh đem vui cứu khổ.

Trong Luận Đại-Trượng phu, ngài Đề Ba La có so-sánh hai thứ bố-thí : *«Tài-thí trừ khổ về thân, pháp-thí trừ khổ về tâm ; tài-thí cho tiền vô-tận, pháp-thí cho trí vô-tận. Tài-thí làm thân sung sướng, Pháp-thí làm tâm sung sướng ; Tài-thí người ngu ham muốn, pháp-thí người trí ham muốn, Tài-thí đem vui hiện tiền, Pháp-thí đem vui niết-bàn»*.

Đức Phật lại nhận rõ chúng sanh quý nhất là thân-mạng ; và đời sống hợp lý phải là sự hỗ-trợ, tương thân tương ái bảo vệ tôn-trọng sự sống cho nhau. Cho nên lòng từ bi đạo Phật thiên hẳn về một đời sống hòa-đồng tương trợ, và đặc biệt tôn trọng sự sống của muôn loài, không những riêng loài người mà các loài muôn thú nữa.

Chúng ta thường thấy ở đời, muốn mưu cầu hạnh phúc cho mình hoặc cho người đồng xứ sở, đồng chủ nghĩa, đồng tín ngưỡng, nhiều khi cần phải đẩy xóc lên hạnh phúc của

người khác. của những người không một tổ quốc, không một tín tưởng : và nếu sự mâu thuẫn giữa tư tưởng quyền lợi của hai phe đối lập quá trầm trọng, thì người ta không ngại dùng chiến tranh để giải quyết. Đạo Phật với tất cả ý nghĩa của lòng từ bi chơn chánh, không bao giờ công nhận và tán thành những phương sách nguy hiểm như vậy. Nói một cách rõ ràng hơn, đạo Phật không bao giờ công nhận, không bao giờ tán thành một sự tàn sát nào, một cuộc chiến tranh nào, dầu vì duyên cớ gì và dưới hình thức nào.

Đức Phật với trí sáng suốt cùng tột, thấy rằng mọi loài đều chung một bản thể đại bi, tương quan tương duyên rất mật thiết. Như vậy người đau khổ tức mình đau khổ, người vui tức mình vui, làm đau khổ người tức làm đau khổ mình, đem vui cho người tức đem vui cho mình. Cho nên dày đắp hạnh phúc người để đem lại hạnh phúc cho mình là một việc vô ích. Và lại chiến tranh tàn sát chỉ là những phương tiện giải quyết tạm thời và bất đắc dĩ của những sự xung đột. Vì rằng chiến tranh là những con dao hai lưỡi, trong khi chém hại người cũng trở lại chém hại mình . . . Nhất là trong thời đại nguyên tử này, khí cụ tàn sát quá tinh xảo và ghê tởm, thời chiến tranh chỉ là một sự tự sát ; và đau đớn hơn tất cả, mỗi lần chiến tranh xảy ra là hàng vạn hàng triệu sinh-linh vô tội bị điều đứng và thác oan.

Huống nữa, trong khi tàn hại lẫn nhau, mình và người cùng hoàn cảnh xung quanh đã bị đầu độc bằng những tâm-niệm sân si, cừu hận, thì làm sao mình có thể an-nhiên hưởng hạnh-phúc xây dựng bằng máu và uất-hận của người được.

Đứng trước sự bộc-phát của các ngòi lửa chiến-tranh hiện đại, bác-sĩ Migot một Phật-tử đã từng tham-cứu và thiết hành Tiểu Thừa, Đại Thừa Phật-Giáo đã phải lớn tiếng than rằng : “ *Thật là một sự tủi-nhục lớn cho văn minh nhân-loại hiện-tại, trong khi tất cả dân tộc đều chỉ biết sống để dự-bị và phát khởi chiến-tranh, mà không có một tôn-giáo nào một nhà truyền giáo nào*

*dám lớn tiếng công-kích chiến-tranh và những người phát-động chiến-tranh, dựa dưới hình thức gì và bằng duyên cớ nào».*

Chúng tôi, tự nghĩ không cần trả lời cho bác-sĩ Migot nhiều, vì bác-sĩ đã cũng hiểu như chúng tôi rằng, từ trước đến nay và mãi mãi, đạo Phật luôn luôn giữ vững chủ-trương tuyệt đối tôn trọng bảo vệ sự sống và mặc-tàn tất cả sự tàn sát.

Giữa người và người, đạo Phật không thể công-nhân một sự tương-tàn tương-sát nào, đạo Phật lại không bao giờ tán thành sự giết hại các loài vật để tự nuôi sống người. Lòng Từ-bi chư Phật lan rộng đến các loài sinh vật, vì đức Phật thấy mọi sinh vật đều tham sống sợ chết, đều bình đẳng trước sự đau khổ, Đức Phật đối với những vị đệ tử xuất-gia tu hành cấm hẳn sự ăn thịt và khuyên không nên dùng thứ dấp da thú và các thứ vải làm bằng tơ tằm. *Một hôm có người đem một đôi dấp da cúng cho một Thầy Tỷ kheo giữ giới. Đôi dấp ấy làm bằng da một con bò đã bị chết và do một người thợ giày làm. Ngài Văn Thù hỏi đức Phật rằng: «Vị Tỷ kheo có thể dùng đôi dấp ấy không?» đức Phật đáp: «Nếu không dùng thì chính là pháp Tỷ kheo, nếu dùng thì không có lòng từ-bi nhưng không phá giới».* Câu trả lời của đức Phật, cũng cho mà cũng không cho, vừa nêu rõ lòng từ-bi vô-lượng của chư Phật đối với loài sinh vật, cũng vừa diển-đạt tất cả lòng thương tưởng săn sóc đức Phật đối với hàng đệ-tử xuất-gia của ngài. Và những lời dạy sáng suốt từ-bi ấy, thật là những thước ngọc khuôn vàng cho những Phật tử chọn chánh muốn tiến trên đường đạo.

Đối với các đệ-tử tại-gia, đức Phật hiểu biết ăn chay trường là khó nên chỉ khuyên ăn chay kỳ, và luôn luôn nhắc-nhủ tránh tất cả sự sát sinh vô-ích. Ở nơi đây, đối với những lý-thuyết chủ-trương loài vật sanh ra để nuôi sống người, chúng tôi nghĩ cần phải trả lời rằng: «Nếu chúng ta thấy cần phải ăn thịt thì chúng ta cứ ăn, đức Phật không ngăn cấm gì và đây cũng không phải quyền đức Phật, nhưng chúng ta nên yên lặng mà ăn, đừng

làm những lý-lẽ đề bênh-vực sự ăn thịt, và nhất là đừng làm trở ngại những người thành thật phát tâm ăn chay suốt đời.

Riêng phần chúng tôi là những người xuất-gia theo đạo Phật, chúng tôi tự nghĩ cần phải triệt đề tuân theo lời dạy của đức Phật; Và chúng tôi tin chắc rằng các ngài cũng không bao giờ tán thành những người đầu tròn áo vuông như chúng tôi, mà trong mỗi bữa ăn phải làm chảy máu các loài sinh-vật để tự nuôi sống mình.

Đức Phật không công-nhận sự giết hại các sinh vật đã nuôi sống người, chỉ vì đức Phật thấy người và các loài vật đều bình đẳng.

Nên đạo-diêm thứ tư của đạo Phật là bình-dẳng.

Đức Phật là người đầu tiên đã phản-kháng chế-độ giai-cấp và đã diệt trừ nạn giai-cấp chia rẽ dân-tộc Ấn-độ ra bốn hạng người Bà-la-môn, Sát-đế-ly, Tỳ-xá-già, và Chiên-đà-la. Chính đức Phật đã nói rằng: « Một người sinh ra không phải liền thành một người Bà-la-môn hay Chiên-đà-la, mà chính vì sở hành người ấy tạo thành một người Chiên-đà-la hay Bà-la-môn » Và Kinh Đại-Niết-Bàn đã tán thán sự giáo-hóa bình đẳng của đức Phật bằng những lời như sau này: « Đức Như-lai không những chỉ thuyết-pháp cho các hạng người hào-quí như vua Bat-đề-Ca mà cũng thuyết pháp cho hạng bần-cùng như ông Ưu-bà-ly; không riêng thọ-lãnh sự cúng dường của những người giàu có như ông Tu-đạt-Đa mà cũng thọ-lãnh sự cúng-dường của các hạng nghèo khổ như ông Thuận-Đà... Không riêng cho phép các hạng không có tánh tham như ngài Ca-Diếp xuất-gia, mà cũng cho phép những người nhiều tánh tham như ông Nan-Đà xuất-gia... không những thuyết pháp cho hạng người an-tĩnh không dự việc đời, mà cũng thuyết-pháp cho Vua Tần Bà Ta la tham chánh việc nước. Không những thuyết pháp cho hạng thanh niên 25 tuổi mà cũng thuyết-pháp cho ông già 80 tuổi; không những thuyết pháp cho bà Hoàng-hậu Mật-ly phu nhân mà cũng thuyết-pháp cho dân nữ Liên-Hoa... »

Sự giáo-hóa đức Phật là một sự giáo-hóa bình-dẳng, không trừ bỏ một ai, không thiên-vị một người nào, vì đức Phật không phân biệt, không thấy có sự sai khác giữa chúng sanh và chúng sanh. Ngài thấy mọi loài đều có Phật tánh nghĩa là đều có thể thành Phật và có quyền được giáo hóa.

Các hàng đệ tử cũng noi theo gương ngài mà thiệt hành hạnh bình dẳng. Một hôm ông A-Nan đến một bên giếng xin nước uống. Người múc nước, một người thiếu nữ giòng Chiên-đà-là thưa rằng : « Ngài hãy tránh xa con vì con là giòng hạ tiện Chiên-Đà-la.» Ông A Nan đáp : « Tôi đến đây xin nước uống, tôi không xin giai cấp ». Và vua A-dục khi mới hiểu đạo Phật, vì lòng cảm mộ quá dồi dào, nên mỗi lần ra đường gặp vị Tỷ-kheo, ngài liền làm lễ. Có vị đại thần tên là Da-tát thấy thế can rằng :» Các thầy Tỷ kheo là người các cấp đi xin, không đáng tôn trọng lắm. Vua A-dục liền trả lời : « Nếu lấy huệ nhãn của Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân ông Vua cùng người mọi giống nhau, cũng là da thịt xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức, thời trong thân thể người hèn hạ nhất đời cũng có thể có. Chính lòng đạo đức ấy, người có trí gặp đâu cũng phải tôn trọng cái lay.»

¶

Thưa các Ngài

Thưa các Đạo-hữu

Trong bao nhiêu đặc điểm đạo Phật, chúng tôi chỉ lược trình có 4 đặc điểm giác ngộ, giải thoát, từ bi, bình dẳng. Và sự truyền bá đạo Phật chỉ là sự tung vãi cùng khắp tất cả phương trời tinh thần giác ngộ, giải thoát, từ bi, bình dẳng trong suốt thời kỳ truyền bá ấy đạo Phật chưa bao giờ phát sinh một nạn Tôn-giáo chiến tranh, một sự tàn sát nào. Chúng tôi sẽ cố gắng giải thích sau đây một vài nguyên nhân khiến trong tất cả thời, khắp tất cả chỗ, đạo Phật được xem là một tượng trưng cho hòa bình và nhân đạo nhất.

Đạo Phật chú trọng truyền bá chân lý, và ánh sáng chân lý đến đầu thời diệt trừ mê mờ tối tăm, hai động cơ chính của chiến tranh và tàn sát. Chúng ta chỉ có thể tàn hại nhau trong đêm tối và lúc tâm trí mê mờ. Dưới ánh sáng chói chan của chân lý và được Phật pháp soi chiếu, thời đầu có muốn đi ngược với chánh pháp cũng khó lòng... Lại trong hằng ngàn vạn kinh điển Phật dạy, không bao giờ các ngài thấy một giọng chữ khuyến khích sự chiến tranh tàn sát, trái lại lời nào cũng chỉ thấm nhuần hương vị từ bi sáng suốt, không thể hiểu lầm không thể xuyên tạc.

Chúng ta lại thấy rằng trong các ngày Vía Phật, các Phật tự kỷ niệm làm lễ không bao giờ sát hại một con vật nào trái lại còn phóng sanh muông thú, thật rất sai khác trái hẳn với ngày mồng 5 tháng 5, ngày giết hại hàng ngàn hay hàng vạn gà vịt do theo một tập tục mê lầm,

Một nguyên nhân chính của sự xung đột là quyền lợi tài sản. Nói đến quyền lợi tài sản trong đạo Phật, thì những người có lợi quyền trực tiếp là những vị xuất gia tu hành. Nhưng một vị tu hành không có quyền giữ tiền bạc và ngôi chùa mẫu ruộng tư điền không phải tài sản riêng của một thầy trú trì, chính là của chúng một tăng chúng, phàm ai chơn chánh xuất gia tu hành đều có quyền hưởng thọ. Đã là của chung thời mọi sự mâu thuẫn xung đột quyền lợi bị dẹp trừ quá phần nữa. Còn đời sống của một vị tu hành là phải giản dị thanh tịnh đạm bạc. Không gì mỉa mai và đau đớn bằng những tiếng đồn chùa này giàu thầy kia sang. Cho nên dầu muốn dầu không, sự mâu thuẫn về quyền lợi trong đạo Phật, không thành một vấn đề nữa. Còn vấn đề danh vọng chính trị; đức Phật triệt để cấm các nhà tu hành dự vào chính trị, vì đem cả toàn đời toàn lực tu hành cũng chưa đủ để tiến trên con đường giải thoát. hưởng nữa còn tham dự việc ngoài. Và lại đã tham dự chính trị, theo một đảng phái chủ nghĩa nào, là cột hẹp giá trị của người tu hành vào những hình thức nhỏ hẹp... Phải bình vực chủ nghĩa này nhóm người này để đề đề dẹp tàn hại các chủ nghĩa khác, các nhóm người khác; tức rất trái với tinh thần giác ngộ, từ bi bình đẳng của đạo Phật.

Nhưng lý-do chính-khi, quyền-lợi chỉ là lý do phụ. Đạo Phật sở dĩ chưa bao giờ gây ra một nạn chiến-tranh nào, chính vì đức Phật luôn luôn truyền dạy một sự khoan-hòa rộng rãi, một sự kính trọng hoàn toàn tự do tin-tưởng và tư-tưởng, và nhất là đạo Phật bài trừ mọi sự chấp trước, đầu là chấp trước chánh-pháp.

Những chiến-tranh xảy ra chỉ là sự phát-dộng của một đặc-tánh tâm lý: Sự cố-chấp chur-kiến. Khi đã tin theo một chủ-kiến chính-trị hay tôn giáo nào, thời chấp chặt vốn-giáo, chủ-kiến ấy, cho là một sự thực tuyệt-đối; ngay hiềm hơn lại tự cho có bổn phận phải hoán-cải mọi người không theo chủ-kiến với mình, hoặc dùng lý-trí hay nếu cần thì dùng sức mạnh... Chính đó là nguyên nhân gây ra tất cả mọi hình-thức chiến-tranh kinh-tế, tôn-giáo hay chủ-ngĩa.

Đạo Phật rất tránh lời lăm áy, những Phật-tử đều rất tin-tưởng ở giáo-lý Phật dạy và ở văn-hóa Phật-giáo, nhưng người Phật tử không bao giờ tự-hào chỉ có người Phật tử là sống đúng với sự thật, vì tự-hào đã có nghĩa là mê-mờ; người Phật tử công-nhận mọi người đều có quyền tin-tưởng và tư-tưởng sai khác, và chính biết trọng tín ngưỡng của người tức tự tỏ là hiểu nghĩa tin-tưởng chơn-chánh.

Một hôm những người giống Kalama đến bạch Phật: *« Bạch Thế-Tôn, những vị Bà-la-môn và những nhà truyền giáo đến giảng đạo chúng con, và nói rằng chỉ có giáo-lý của họ dạy mới đúng chân-lý. Bạch Thế-Tôn, chúng con rất phân-vấn, không hiểu nên tin bên nào, nên bỏ bên nào »*.

Trả lời câu hỏi ấy đức Phật không nói rằng: *« Hãy tin ta, ta là một vị thần linh, và ta sẽ đưa các người lên thiên đàng. Đức Phật cũng không chỉ trích không bài-trừ tất cả các tôn-giáo kia là thuộc về nguy hiểm »*.

Lời khuyên của đức Phật rất nhân đạo và sáng-suốt. Đức Phật khuyên rằng: *« Đừng vội tin một điều gì, vì thường nghe nhắc nhở đến điều ấy luôn-đừng vội tin một điều gì, vì đó*



là một tập-tục của ngàn xưa để lại... Đừng vội tin những điều người ta nói đến nhiều quá. Đừng vội tin điều gì đâu đâu ấy được người ta đem bút-tích một số thánh hiền xưa để xác nhận... Đừng vội tin điều gì; đâu đâu ấy được uy-tin của các nhà truyền giáo bảo đảm.

«Tất cả những sự lý theo kinh nghiệm riêng của người, và sau khi xác-nhận phù hợp lẽ phải, tạo hạnh phúc cho người cho muôn loài, thì chính đó là sự thật, và các người hãy cố gắng sống đúng theo sự thật ấy».

Đạo Phật không bao giờ bắt buộc tin một cách mù quáng, bởi vì một lòng tin mù quáng, đâu là tin đạo Phật cũng là một trở ngại trên đường giải thoát giác ngộ. Trong khi đi giảng đạo Phật, người Phật tử chỉ giới thiệu một cách vô tư giáo lý thuần-túy đạo Phật, và để trọn quyền người nghe tự ý tìm hiểu, tự ý tin tưởng và tự ý tuân hành. Không bao giờ người Phật tử dùng áp lực chính trị, dùng quyền lợi, dùng mảnh khước để dụ dỗ hoặc ép bức người vào đạo Phật: *Một là* vì những phương tiện ấy không phải là những phương tiện cao thượng đẹp đẽ. *Hai là* vì người vào đạo Phật không được một quyền lợi một địa vị, một danh vọng gì cả, ngoài sự được nghe Phật Pháp và được tập sống như lời Phật dạy: *Ba là* vì đạo Phật không trông mong giáo hóa cho đông để làm giàu có và oai vang cho Phật giáo và điều hệ trọng hơn tất cả, sự giáo hóa chơn chánh đối với đạo Phật phải là sự giáo hóa vô tướng, nghĩa là không chấp bĩ, thử, ngã, nhân, không có tự trọng đạo lý mình khinh thị đạo lý người, không có kiêu mạng khi nhiếp phục được người, không có chán nản khi phải thất bại, không có biến đạo Phật thành một Tôn giáo, một chủ nghĩa đối lập các Tôn giáo chủ nghĩa khác.

Hơn thế nữa đâu là chánh giáo, đâu là chơn lý, nếu đem chánh giáo chơn lý ấy áp bức mọi người tuân theo thời chánh giáo cũng thành ngụy giáo, chơn lý cũng thành tà kiến. Sám nhưng là thuốc bổ, không khéo dùng trở thành thuốc độc hại người là vì vậy.

Đức Phật đã hiểu sự nguy hiểm ấy trong lời dạy sau này của Ngài trong kinh Kim-Cang :

« Nay các vị Tỷ-kheo, giáo-lý ta dạy cũng như chiếc bè đưa người qua sông, chánh-pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp ».

Và đây là lời tán thán về sự truyền bá đạo Phật của ông Jadish Kasyapa trong quyển Le Dharma du Bouddha.

« Đạo Phật được truyền bá khắp hoàn cầu không phải nhờ súng đạn khói lửa, cũng không phải nhờ một sự áp bức khủng bố tàn sát nào. Đạo Phật được truyền rộng khắp nơi, chỉ nhờ giá trị chơn thật của đạo Phật và nhờ tinh thần vô thượng của lời Phật dạy. »

*Thưa các Ngài*

*Thưa quý Đạo-hữu*

Đức Phật sinh thời chỉ là một người mỗi buổi mai, dân tộc Ấn-Độ thấy mang bình bát đi xin ăn từng nhà, thế mà hình ảnh ngài được tạc thờ bằng vàng ròng, bằng những món trân bảo cao quý nhất, chính chỉ vì đức Phật đã cỡi chiếc áo cầm bào, và trả lui ngọc ngà châu - báu.

Đức Phật sinh thời sống cô - độc một mình một bóng một thân, thế mà ngài được hàng triệu ức Phật tử tôn xưng đấng cha lành muôn đời muôn thuở, chính chỉ vì đức Phật đã thoát ly gia - đình nhỏ - hẹp, không chịu nhận La-hầu-La là con riêng của mình.

Đức Phật sinh thời sống nay đây mai đó không quê hương quốc - độ, thế mà các bậc lãnh tụ vua chúa tranh nhau dâng cả giang sơn cúng ngài, hàng triệu ức Phật tử đủ các màu da tu-tướng đều kính ngưỡng ngài như bậc độc-tôn vô-thượng, chính chỉ vì đức Phật đã rời bỏ ngai vàng nhỏ hẹp, không chịu nhận thành Ca-tỳ-la-vệ là tồ-quốc của mình.

Đức Phật sinh thời chưa từng viết một chữ nào, thế mà lời dạy của ngài được truyền tụng phổ-biến bằng trăm thứ tiếng, khắp cả 5 châu, chính chỉ vì đức Phật đã từng nói rằng : « Trong 49 năm thuyết pháp, ta chưa từng nói một chữ ».

Đức Phật sinh thời chỉ cầm chiếc gậy giảng đạo đi từ làng này qua làng khác, thế mà ngài đã cảm-hóa nhiếp thiện toàn thể chúng sinh, chính chỉ vì đức Phật đã biết rời bỏ lưới kiếm của hạng người chinh phục.

Chúng tôi có thể nói rằng : những đặc điểm của Phật giáo, lịch-sử truyền-bá đạo Phật và chính đời sống của đức Phật, tóm tắt chỉ muốn dạy cho chúng ta một câu rằng :

« Hãy bỏ tất cả, để mà được tất cả »

**NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MƯU NI PHẬT**

Giang - Sư

THÍCH MINH - CHÂU

# CON NGƯỜI VỚI BẢN TÂM VÀ VẬN MỆNH CỦA NÓ

Tỳ-kheo = W. Rahula

Người dịch: KAO-KHÁ-CHÍNH

Trong tất cả các nhà sáng lập tôn giáo, chỉ có 1 mình đức Phật là lập thuyết mình trên căn bản nhân vị bất gốc từ con người, Các giáo lý thì hoặc bắt gốc ở các vị thần hoặc do thần linh mách bảo hay biểu hiện ra. Đức Phật không chỉ những là một con người, mà Ngài lại còn không bao giờ tự cho mình được hộ trợ hay mách bảo bởi một sự thiêng liêng huyền bí nào khác ở ngoài con người. Tất cả các sở đắc, các công trình mà Ngài đã thực hiện được, theo Ngài đều do nơi trí tuệ sáng suốt và ý chí đồng mãnh của con người. Con người và chỉ có con người mà thôi mới trở thành Phật đã được. Vì thế chúng ta có thể gọi đức Phật là 1 con người đứng với nghĩa của con người hơn hết, một con người hoàn toàn đến nỗi được xem như thượng đẳng siêu nhân. Nếu mọi người muốn và cố gắng, ai ai cũng có thể thành Phật đã được vì đã sẵn có Phật tánh.

Con người, con người tự mình là thầy của mình rồi, và không thể có một vị nào khác cao hơn điều khiển vận mệnh con người được. Đành rằng đạo Phật không bao giờ chấp nhận một sự tài phán nào ở trên ban xuống, nhưng chúng ta có nên đặt ra câu hỏi: Con người có bị ngự trị bởi cái nghiệp của nó không. Chúng ta có thể trả lời chắc chắn rằng không, vì con người chính

là tác giả của nghiệp nhân của nó. Nếu tương lai của đời ta lệ thuộc ở quyết định của một kẻ khác, đời sống ấy không đáng sống: một quân niệm tùy thuộc như cây hạ thấp giá trị nhân loại xuống hàng nô lệ và mọi thể thống, mọi tự trọng của con người sẽ vì đó mà bị hủy diệt.

Đức Phật đã dạy: « Con người tự mình chính là thầy của mình, thì còn có thể ai xen vào làm thầy mình được nữa? ». Ngài thúc dục môn đồ phải nương vào chính nơi mình và đừng bao giờ y lại bất cứ ở đâu ngoài mình ra.

Ngài dạy dỗ và khích lệ mỗi người phải phát triển cá tánh của mình và tự tu luyện để tự giải thoát, vì con người có đủ quyền năng để thoát ly mọi nô dịch nhờ ở sức cố gắng của chính con người. Ngài nói: « Các người phải làm tròn phận sự của các người, các đấng Như-lai chỉ có tìm giúp cho các người con đường đi thôi ». Nếu có chỗ bảo rằng Phật độ chúng sanh, chữ độ ấy phải hiểu theo nghĩa là Phật đã chỉ bày cho chúng ta con đường dẫn đến Niết-Bàn: tự chúng ta phải tiến bước lấy.

Chính trên nguyên tắc tự kỷ định đoạt đó mà Đức Phật giao phó tự do hoàn toàn cho môn đồ. Trong kinh Đại Niết Bàn, Phật đã nói Ngài không bao giờ nghĩ đến chuyện tự Ngài kiểm soát tăng chúng, Ngài cũng không có ước vọng rằng tăng chúng phải tùy thuộc Ngài. Sự tự do tư tưởng mà Đức Phật để dành cho các tín đồ chưa hề có lịch sử của một tôn giáo nào khác bì kịp. Ngài khuyến tín đồ đừng công nhận 1 điều gì mà chỉ vì điều đó tập quán đã công nhận hoặc điều đó nói ra do một quyền oai, một tôn giáo. Chỉ nên công nhận cái gì, điều gì do chính tự mình sau khi suy nghiệm, cho là hợp lẽ. Ngài biết rằng tư tưởng con người không thể cầm tù để làm nô dịch được, và chân lý không thể

thực hiện bằng lối cưỡng bách một bọn người điên rồ khốn nạn nuốt trôi một cách máy móc không chút suy xét.

Đành rằng con người giữ một địa vị tối thượng hơn hết trong hết thảy chúng sanh, đều đó không có nghĩa rằng con người có quyền khinh rẻ hoặc bóc lột các chúng sanh khác để mình hưởng. Vì theo đức Phật, con người cũng chỉ là một trong số chúng sanh vô biên đó, khác nhau chẳng chỉ ở trình độ. Vậy con người phải thương yêu và kính nể tất cả chúng sanh như thương yêu và kính nể loài chúng sanh riêng của mình.

Tác giả bài thơ Tich-lan trứ danh là « Kavsilumina » nói rằng con mắt thấy khắp mọi sự vật ở ngoài không đủ sức để tự thấy mình. Có lẽ con người khi đi tìm kiếm để tự thấy mình cũng tương tự như thế. Vậy đến bậc nào thì chúng ta có thể tin cậy ở chúng ta trong sự tự khảo sát bản thể?

Điều này là cả một bí ẩn nan giải đối với các tư tưởng gia từ xưa đến nay. Nhưng may thay là hầu hết đều đồng ý ở một điểm chung là con người không phải không thể sửa chữa được. Ý niệm thông thường cho rằng con người mặc dù trải bao biến cố bên ngoài vẫn không thay đổi, có lẽ ý niệm ấy sai lầm. Bản tánh con người cũng như mọi sự vật khác cũng chịu luật vô thường và biến chuyển theo mọi thăng trầm về phương diện xã hội và kinh tế đã xảy ra xung quanh nó. Khó mà tách bản tánh con người ra khỏi hoàn cảnh sinh hoạt của nó được. Những nhà giải phẫu tâm lý học đã kinh nghiệm được rằng với những sự kiện xã hội thế nào đó thì sẽ gây ra những chứng bệnh thần kinh tương đương. Đạo Bà La-Môn khi nói: « Aham Brahmasmi » và « Tat tvam asi » nghĩa là: « Tôi là phạm thiên » và « Anh là cái đó », cũng mặc nhận người cũng là phạm thiên tuy

không chứng minh được. Trái lại tôn giáo khác nghĩ rằng con người mới sinh ra đã chứa chấp tội lỗi của tổ tiên. Đạo Phật chọn con đường trung đạo. Người chẳng phải phạm thiên mà cũng chẳng phải một tội nhân sinh ra để đền tội. Lúc ban sơ, bản tánh con người là vô ký, không thiện mà cũng chẳng ác. Nếu nó tiến trên con đường chính đạo, nó có thể phát triển lên hồi đến địa vị Giác-Ngộ; trái lại nếu nó đi dật lui nó có thể bị hạ-tiêu-hóa dần dần. Nói đến đây chúng ta có thể ôn lại 4 cách phân loại chúng sanh mà các sách Phật đã ghi chép :

- 1o) Manussa — neriyaka — Loài ngựa quỳ.
- 2o) Manussa — pata — Loài a lu la.
- 3o) Manussa — tiracchana — Loài súc sanh.
- 4o) Manussa — Manussa — Loài người.

Chúng ta có thể trở nên bất cứ hạng nào trong 4 loại ấy ngay trong đời sống này.

Trong bộ kinh Anguttara Nikaya có 2 quyền rất hệ trọng giúp ta hiểu về bản tánh của con người. Một quyền bảo : «Này các vị Tỷ-kheo! tâm vẫn trong sạch nhưng bị các trận cấu ở bên ngoài làm ô-trước» Quyền khác nói : «Này các vị Tỷ-kheo! tâm ấy trong sạch và đã giải thoát khỏi những trận cấu ô-trước đã bám vào.

Hai quyền kinh đó chỉ cho ta thấy rằng lúc ban sơ, tâm vốn thanh tịnh, nhưng sau bị tạp nhiễm và cũng có thể tẩy sạch những mối tạp nhiễm ấy.

Nếu bản tánh con người bản lai ô trước và độ ác thì không thể gì sửa đổi và trau dồi để thành thanh tịnh được. Còn nếu trái lại bản tánh của nó cố định đã toàn thiện sẵn rồi thì sự trau dồi cũng vô ích và bất thành vớ-đề.

Theo quan niệm Phật giáo như đã thấy ở trên, bản tánh con người là vô phủ, vô ký nghĩa là chẳng thiện chẳng ác, và nó có thể bị ảnh hưởng bởi những lực lượng ở ngoài; những lực lượng đó con người có thể tự cởi mở để tự biến chuyển đến chỗ toàn thiện. Chúng ta có đủ tự do ý chí để chọn lựa mà hướng dẫn cuộc đời chúng ta. Đức Phật đã bảo rằng, với con người khôn đã hiểu thấu bí quyết ấy, nó có thể tự đào luyện; với kẻ ngu sự phát triển không thể có được.

Theo triết lý biến dịch của nhà Phật, trí tuệ con người có thể phát triển đến một trình độ hoàn toàn giải thoát ra ngoài mọi ràng buộc của không gian và thời gian trong trạng thái tâm hồn đó, trạng thái mà các bậc La Hán đã chứng được, không có ảnh hưởng gì ở bên ngoài, không có một vết nhơ nào có thể bám vào tâm trí. Phân-động-lực đối với các lực lượng ở bên ngoài ấy cũng không có.

Nếu chúng ta hiểu chữ vận mệnh theo nghĩa chữ số mệnh hay chữ thiên mệnh cay nghiệt, chúng ta sẽ hoàn công mà không tìm được một chữ tương đương trong nhà Phật. Mặc dầu nhà Phật công nhận có nghiệp lực và quả báo, nó không có nghĩa như thuyết tiền định hay thuyết thiên mệnh. Thuyết nghiệp báo hiểu theo nghĩa thông thường cũng sai với giáo lý Phật dạy. Trong đời sống của con người, không có sức gì đủ lớn cho nó trở nên bất lực để thành tội mọi. Con người gây nhân cho nghiệp lực của mình mà cũng có thể hoá cái nghiệp lực ấy nhờ trí thông minh và sức cố gắng ấy, nếu nó cố ý vận hết ý chí tự do của mình để theo con đường chơn chính. Vì thế, Đức Phật đã căn đi dặn lại môn-đề 4 yếu tố quan hệ nhất trong đời sống con người là: gần gũi thiện tri thức chăm nom học hỏi, suy nghĩ chín chắn và giữ gìn hạnh kiểm mẫu mực.



Nếu chúng ta hiểu chữ vận mệnh theo nghĩa kết quả của con người sau khi chết, đạo Phật sẽ dạy rằng chết chưa phải là hết mà là đề tiếp tục còn phải sống dưới hình thức khác; Niết bàn chưa đạt tới, nghiệp lực chưa diệt hẳn, còn phải lê thê kéo cày trả nợ.

Tôi đề nghị nên hiểu chữ vận mệnh theo nghĩa cứu cánh của con người. Cứu cánh ấy là sự giải thoát hoàn toàn để đạt đến Niết bàn. Ở đây sẽ không còn hư ảo không hoàn không trường, không tốt không xấu, không trí không ngu, không sanh không diệt, không sắc không không, không thế giới này và thế giới khác . . .

Phật dạy : « Đây các vị Tỳ kheo ! có một trạng thái không sanh không tạo không hòa hợp không nhân duyên sanh. Nếu trạng thái ấy cũng không nữa thì còn gì mà gọi là diệt là chia ly ».

Trạng thái toàn thiện đó tức là « diệt khổ ». Nó được diễn đạt bằng những chữ liêu cực, vì lời nói của con người không đủ hoàn thiện để diễn đạt nó một cách tích cực.

Trạng thái hoàn thiện ấy thực hiện được nhờ sức tự kỷ kiểm chế và xử soát đồng mãnh, nhờ sự gạn lọc bền bỉ, nhờ sự tu tập đúng theo khả năng cùng tốt của mình trong khi quyết chí dẫn thân bước theo 8 con đường chân chánh (Bát chánh đạo) mà đức Phật đã vạch ra.

(Trích một đoạn trong một bài giảng  
« giảng đường Ceylan » Colombo 1947  
theo « The Buddhist ».

# VANG BONG CAO TĂNG

Trích dịch Cao Tăng Truyện :

## GIẢI THOÁT TRÍ

Đời Đường có đại đức Trí Thật, học thông nghĩa lý kinh luận, hành trì tinh nghiêm. Đường Cao tổ niên hiệu Võ đức năm thứ bảy, quân đội Đột khuyệt xâm lược Phi-châu, kinh đô rối loạn. Sự Pháp nhả ngày thường dua nịnh Cao-tổ, được Cao-tổ tín dụng; bấy giờ sự Pháp nhả lựa những vị sư khoẻ mạnh lập một đạo quân hơn nghìn người, sắp đem ra phụ họa chống giặc. Ngài Trí Thật biết vậy, không muốn cho Pháp nhả hành động ngoài phạm vi tăng-già, gây nhục cho Chánh-pháp, làm hại cho Chánh-pháp, nên gửi thư báo :

« Tôi với ngài đồng sinh thời mặt-pháp, phải thương nỗi luân hồi của chúng sinh, phải xót sự mê muội của vạn loại. Ngài thường gặp quốc vương, đáng lẽ phải đem chánh pháp khuyên bảo quốc vương, để quốc vương tung vải từ bi ra bốn bề. Sao ngài để quốc vương kém đức gây họa, rồi giờ lại nói gót Đẽ bả; làm nhục Chánh-pháp? Xin Ngài bình tĩnh, xét lời Phật dạy, ngưng hành vi ác. Huống chi cây chặt khó sống, đá vỡ khó liền, Ngài nếu phá giới thì hãy bỏ y-bát, ra khỏi giả-lam ngay, để cho trong đục rõ ràng, thom thối phân chia, nhân dân không hủy báng, ngoại đạo hết chê bai, nước thiên định bí mà được thông, đèn trí giác lu mà được sáng. Xin ngài xét kỹ, thề tất lời ngay ».

Nhận thư ấy, Pháp nhả giận lắm, đốc xuất lương thực khí giới, tức tốc tiến quân. Đại đức Trí Thật nghe vậy, tuyên bố với mọi người:

«Pháp nhả bạo nghịch, phá Đại-pháp-luân, thật là ma la ba-tuần!»

Nói rồi khóc, mọi người khóc theo, tiếng thảm chấn động. Trong khi đó quân Pháp nhả tới, Trí Thật cự Pháp nhả, Pháp nhả tức lắm, tấu với Cao tổ, Cao tổ ra lệnh bắt, Trí Thật ngang nhiên không chút sợ hãi.

Đại đức Đạo-Duyệt, người đời Tùy, ở chùa Ngọc Tuyền, một hôm bọn cướp đến kiếm ăn, đại đức đồ gạo cho, nhưng nấu mảy cũng không chín. Vì vậy, chúng răn nhau đừng trộm. Bọn khác không tin, đêm khác kéo đến, đuổi đại đức để lấy của. Ngài bảo:

— Ta nhất định ngồi đây, kết liễu với tự viện.

Chúng thấy vậy, làm lành, bảo:

— Dẫn chúng tôi đến nhà khác.

— Xuất gia đâu có dẫn người lấy của. Tính mạng như huyễn hóa mà thôi, chết ta sợ gì?

Bọn cướp qui phục, đánh lễ, thành tâm cải quá.

Vua chúa nghe danh đức của Ngài, cầu thỉnh thọ giới. Y luật thọ giới rồi, cúng vàng lụa Ngài không nhận, chỉ mang y-vải ra về Vua Chúa nằn nì hỏi, Ngài bảo:

— Y vãi biếu tướng từ bi, lựa là hại cả sinh mạng, người xuất gia vốn là người của từ bi, đâu có mặc hàng lựa.

Đời Tùy có Đại đức Pháp Thuận ở chùa Đại-hưng-thiện, tinh tu tam nghiệp. Đế vương nghe đức ngài, cung thỉnh làm giới sư, ngài không nhận. Đến tận chùa, Ngài cũng lờ. Ngài bảo :

— Thân mệnh vô thường, tiếc nuôi làm gì ? Ta phải tinh tu đại thừa sám pháp mới được,

Thế là 45 năm, trừ đại tiểu tiện, không lúc nào ngài ra khỏi phòng sám hối, nên cảm được đèn không đồ dầu mà sáng 7 ngày đêm. Sau đó ngài đổi pháp phục, vào làng xóm chợ búa, làm lụng giúp người, lam lũ, mệt nhọc, hạ tiện đến bực nào cũng không từ. Có ai cho gì, ngài từ chối, nghĩ :

— Lợi tha thì tồn kỹ ngàn nào thành tựu ngàn ấy.

Đời Đường có đại đức Đàm Tạng, tánh từ bi, một đêm đi gặp rắn lớn, há miệng muốn cắn. Người đi theo muốn đánh, Ngài bảo :

— Từ bi là trọng, sống chết sá gì !

Rồi thản nhiên và hiền từ nhìn con rắn, con rắn nhìn lại, tự nhiên bò đi. Một hôm giặc cướp vào phòng ngài, ngài bảo :

— Ta đã không thì của ta làm gì có ?

Bọn giặc kinh ngộ, đánh lễ qui y ngay.

. . .

Lục tổ Huệ Năng nghe Kinh Kim Cang mà giác ngộ bản tánh, đến tham học ngài ngũ tổ Hoàng Nhãn. Ngũ tổ hỏi:

— Học làm gì ?

— Làm Phật.

— Nhưng người xứ nam nhà người không có Phật tánh !

— Phật tánh làm gì có nam bắc ?

— Thế người làm Phật sự thế nào ?

— Nguyên tận lực đã gạo, gánh nước.

. . .

Ngài Thần hội thuộc Kinh như trở tay, giữ luật như giữ mắt, bắt chước Thiện Tài đại sĩ, khắp học danh đức, chủ trương vô niệm. Ngài từng nói:

— Giữa ba quân mà không động, dao mổ trên dưới mà không sòn, thấy hằng sa Đức Phật đến không mừng, thấy vô số chúng sinh chết không thương ấy mới là đại trượng phu.

Ngài thường bảo chúng:

— Đã sử vòng sắt đỡ quay trên đầu mà định và huệ cũng không mất. Ấy mới là tu hành có sức.

# Tinh-Túy của Phật-Giáo

*Bài diễn-văn của Đại-Đức NYANATILOKA đọc tại Hội  
Á-Tế-Á ở Đông-Kinh (Société asiatique de Tokio)*

(Trong bài diễn-văn này nói về Phật-giáo nguyên-thỉ tại các xứ miền Nam Á-C Âu), tôi nguyên phá-tan được những thành-kiến và những sự giải-thích lăm-lạc, cũng đủ làm thoả-mãn tôi rồi.

Phật-Giáo là một tôn-giáo rất đúng sự thật mà nhiều người Âu-Châu lại cho là một đạo sùng-bái ngẫu-tượng hay là một thần bí giáo; tưởng đó có phải là một lời phê-bình mỉa mai không?

Nhà triết-lý Nietzsche đã thấu rõ sự sáng-suốt và sự giản-dị hoàn-toàn của Phật-giáo, nên tiên-sanh có rói: «Phật-giáo, căn-cứ theo thực-tế hơn Thiên-chúa-giáo trăm phần. Phật-giáo là kết-quả của sự nhận xét khách-quan và vô-tư về vấn-đề nhân-sanh-quan. Tôn-giáo ấy bác bỏ lý-thuyết Thượng-Đế, lý-thuyết lẽ-bái, câu-nguyện và phép tu khổ-hạnh; không bao giờ dạy một giáo-lý độc-tài, áp-chế, dẫu dối với đoàn-thể Tăng-chúng cũng vậy. Tôn-giáo ấy lại cũng không tranh đấu chống tư-tưởng người khác. Giáo-lý đạo-Phật chỉ dạy cách tranh-đấu chống tham, sân si».

Chúng ta nhận xét Phật-Giáo có hai hình-thức: 1. — Khi nguyên-thỉ, căn-bản của Phật-Giáo là kinh-diễn Tipitaka (Tam-tạng). 2. — Sau thời gian đó căn bản của Phật-Giáo lại là những kinh-diễn chữ Phạm.

Phật-Giáo thứ nhất, hiện nay còn tồn-tại ở Diên-Điện, Thái-Lan, Cao-mên, và Tích-Lan. Phật-Giáo thứ hai biến chuyển thành đa-số hình-thức, hiện được tôn-sùng, nhưng biến khác xưa, ở Trung-Hoa, Tây-Tạng, Nhật-bản, Cao-ly và ở miền Nam xứ Tây

bá-lợi-Á. Trong Phật-giác thứ hai có những điểm trái hẳn với Phật-giáo nguyên-thỉ.

Trong buổi diễn-thuyết này tôi xin trình bày về Phật-Giáo tinh-túy, gọi là Phật-Giáo Ba-Lý.

Giáo-Lý nguyên-thỉ của Đức Phật đã được kết-tập trong ba đại-tạng Kinh-diễn (Gọi là Tipitaka hay là Tam-Tạng) Ba tạng kinh-diễn viết bằng chữ Phạn (tức là chữ Baly) và một phần bằng chữ Trung-Hoa. Ba Tạng Kinh-diễn ấy chia ra:

- 1) Vinaya Pitaka nói về giới-luật,
- 2) Sutta Pitaka tức là Kinh.
- 3) Abhidhamma Pitaka tức là Luận

Tạng Vinaya Pitaka chép đại khái tất cả các giới-luật của Tăng-chúng và mới kết tập sau. Tạng thứ hai (Sutta Pitaka), hệ trọng hơn trong cả ba tạng, là các kinh mà ai nấy đều công-nhận đó là giáo-lý tối-cò và chân-chánh của Phật-Giáo. Tạng thứ ba (Abhidhamma Pitaka) chép những luận-thuyết, những giải-thích về triết-lý và tâm-lý. Những luận-thuyết ấy viết theo lối văn kệ tụng để giải-thích các Kinh (Sutta Pitaka). Tạng Luận xuất hiện sau các Kinh (Sutta Pitaka).

Tạng Luận (Abhidhamma Pitaka) có thể chia ra bảy phần.

Tập thứ nhất: Dhammasangani là phần phân-tích nội sắc-tướng và giá-trị sự phân-tích ấy về phương-diện luân-lý.

Tập thứ hai: Vibhanga là một tập luận về nhiều lý-thuyết như là ngũ-uẩn hay là Skhanda, 6 ngành trí-huệ, 18 yếu-tố tâm-lý và vật-lý, 4 diệu-dế, 22 khả-năng, những nhân-duyên, và hình-tướng đời sống.

Tập thứ ba: Dhatukatha luận-thuyết về 18 yếu-tố và nguyên nhân tâm-lý và vật-lý nói trên, nghĩa là nói đại-khái về: 1) 6 giác-quan, 2) các nguyên-nhân khác, như luồng sống điện, luồng âm-thanh (âm-ba) vân vân. . . và 3) những nguyên-nhân ngoại giới có ảnh-hưởng với các giác-quan.

Tập thứ tư: Puggala-Pannati chép những quy-dịnh về tính-tình con người.

Tập thứ năm: Katta-Vatthu chép những lời chú-giải các điềm còn nghi-ngờ trong Kinh để tránh những sự hiểu lầm của 17 tôn đã thành-lập hai thế-kỷ sau Đức Phật giáng-thế.

Tập thứ sáu: Yamaka chép những lời biện-bác về triết-lý.

Ngoài 6 tập-luận ấy, lại còn một tập thứ bảy là Patthana, chép 24 chú-thích hay là paccayas nói về nguyên-nhơn các hiện-tượng vật-chất và lý-trí của cuộc đời. Các vấn đề được chú-thích, đại-khái là: Lý do hiện-tượng, sự chủ-yếu, đồng thời sanh-tồn, nhân-quả, vân vân. . .

Trước khi đi sâu vào Giáo-Lý, tôi xin kể qua thời gian Đức Phật tu-luyện cho đến khi thành Chánh-quả.

Đức Phật tự thuật lại thời-gian ấy như sau này: «Tôi nhận thấy tôi bị ràng-buộc trong vòng sanh, lão, bệnh, tử, và tôi không ham cuộc-đời. Và giữa trăm ngàn điều sung sướng trong hoàn-cảnh thanh-niên sáu-lạc của tôi, tôi bỏ nhà ra đi, mặc dầu bà con than-khóc, tôi cạo đầu, cạo râu, mặc áo vàng. Tôi trở thành một người đi tìm đạo, tìm cái quý chân-thật, tìm đường hướng-dẫn đến Vô-thượng An-Lạc».

Trước hết tôi xin trình bày vì sao Đức Thích-Ca (hay đúng hơn là đạo-sĩ Gotama, như người ta thường gọi) hiểu thấu giáo-lý của hai vị bà-la-môn tu khổ-hạnh là Alara-Kalama và Uddaka-Ramaputta. Ngài biết đó chỉ là một cách điều-luyện trí-não và giáo-lý ấy không làm ngài thỏa-mãn chút nào. Ngài bèn tìm một giáo-pháp khác.

Ngài lại gặp 5 vị đạo-sĩ tu khổ-hạnh, tìm giải-thoát bằng cách tập-luyện hành xác đến cực-điểm. Cách hành xác phi-thường làm cho Ngài hết cả sức-lực và Ngài hiểu đó cũng chưa phải là đường chân-chánh. Ngài bèn bỏ cách hành xác và các phép tu



khô-hạnh. Ngài tự tìm, tự suy xét mọi hiện-tượng căn bản của sự sống, và Ngài chỉ thấy đau khổ. Ngài nhận thấy tất cả hoạt động của sinh-vật, không phải kết quả của một sự ngẫu-nhiên mù quáng hay là do một vị tạo-hóa huyền-ảo chi-phối mà chỉ do năng lực tự thân nguyên-lai sẵn có phát hiện ra. Ngài xét các bệnh-tật và sự đau khổ mà cá nhân là sự phát-triển của những quả trước, nhân ấy sanh ra là do trạng-thái vô thường của mọi sự vật. Ngài xét những người mù, người bại và thấy bệnh-tật của những người ấy là kết quả của những hạt giống đã gieo từ nguyên-thi. Ngài xét kẻ giàu, người nghèo kẻ sướng, người cực, và Ngài đều thấy luật nhân-quả, Ngài thấy một Dharma.

Dharma hay là luật định sự chi-phối thiên-nhiên trong vũ-trụ mà Đức-Phật đã tìm ra được. Luật ấy có thể tóm-tắt vào trong danh-từ Bốn Diệu-Đế : Khô-Đế, Tập-Đế, Diệt-Đế, Đạo-Đế.

*Khô-Đế* là giáo-lý dạy cho chúng ta (nói cách giản-dĩ) biết mọi sinh-vật đều phải chịu khổ, vì khổ là do tự thân tạo ra.

*Tập-Đế* là giáo-lý dạy rằng mọi khổ đều do lòng tham mù, quáng, vô minh, khao khát; lại bày-tỏ lý-do mọi sự bất công hiện ra giữa Vũ-trụ; như vậy Giáo-lý ấy giải-thích rằng trong Vũ-trụ không có nhân duyên thì không có quả; Đời chúng ta là kết-quả của các xu-hướng tiềm tàng trong thân tâm chúng ta. Họa hay Phước đều do những nhân trong các kiếp trước. Đời tương lai của chúng ta là do những nhân mà chúng ta đã gieo trong đời quá-khứ.

*Diệt-đế* dạy rằng : diệt trừ lòng tham và sự vô-minh, thì đau khổ sẽ tiêu-diệt.

*Đạo-Đế* bày phương-tiện diệt-trừ đau-khổ. Phương-tiện ấy là bát-chánh-đạo : Chánh Kiến, Chánh tư duy, Chánh-ngữ, Chánh-mạng, Chánh-nghiệp; Chánh tinh-tiến, Chánh niệm và Chánh-dĩ-h.

Trong bốn diệu-đế tôi xin giải-bày các điểm quan-trọng cần cho sự hiểu biết những đại-cương của Phật-giáo, và đồng-thời,

tôi sẽ sắp đặt cho có thứ-tự những sự ngộ-nhận và những thành-kiến đã sanh-nở trong Phật-giáo. Nhưng trước hết, tôi tưởng nên trình-bày tóm tắt « Bát-Chánh-Đạo », là tinh-t túy của Phật-Giáo,

1. — *Chánh-Kiến*: là sự hiểu thấu (hay kiến) đúng-đắn (sammāditthi) bốn diệu-đế, hay là nói cách khác, sự nhận biết các hệ-thống giữa Vũ-trụ và các luật về luân-lý và siêu-hình chi-phối vạn vật.

2. — *Chánh-tư-duy*: là tư-tưởng chánh-đáng hay là sammāsaṅkappa, không tham, không giận, những tư-tưởng từ bi.

3. — *Chánh-ngữ*: là lời nói chánh-đáng hay là sammāvācā dạy cách nói thật thà, đứng đắn, không thô-tục, không vu-cáo không vô-ích.

4. — *Chánh-mạng*: hay là sammākamanta, dạy phương-tiện sanh-hoạt, tránh sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm.

5. — *Chánh-nghiệp*: hay là sammāājīva, nói về kế-sanh-nhai, tránh làm thiệt-hại hay phiền-não kẻ khác.

6. — *Chánh-Tinh-tấn*: hay là sammāvāyāma, là năng-lực tránh các hành động, tư-tưởng, ngôn-ngữ tà-ác tu-luyện tâm-trí cho đặng an-lạc và sáng-suốt.

7. — *Chánh-niệm*: hay là sammāsati, suy-xét và cảm-giác tất cả mọi hành vi, ngôn-ngữ và tư-tưởng của mình.

8. — *Chánh-định*: hay là sammāsamādhi chuyên-chú tâm-trí về điều lành và đồng thời nhờ hiệu-lực của chánh-tinh-tấn và chánh-tư duy chúng ta hưởng an-lạc.

Bát-Chánh-Đạo, là đạo (hay đường) tu-luyện tâm-trí cho được thanh-tĩnh, cao-thượng.

Nhờ Bát-Chánh-Đạo, là đạo không cậy lẽ-bái, cầu-nguyện, không có mê tín, dị đoan (Như lời Phật dạy) chúng ta tấn tới dễ dàng trên đường giới hạnh.

Đức Phật lại dạy: « Người tự thấp đức lên mà đi, người tự cậy nơi người; không nên cậy vào chỗ khác ». Muốn tinh tấn thêm chúng ta phải cố gắng căn cứ vào Phật Pháp. Mỗi bước tinh tấn trên đường tu tập, phải làm với một ý niệm chánh đáng hay là sammaditthi. Silabbata-parâmâsâ, nghĩa là tin tưởng vào hiệu lực của dị đoan và lễ bái là một mối trở ngại lớn, và người nào trông cậy vào dị đoan và lễ bái là lìa xa Chánh Đạo và đi lạc đường, vì chúng ta chỉ tu luyện tâm trí mới có thể tinh tấn được Tín ngưỡng lễ bái, phù phép sẽ sanh ra phần uất, cố chấp, cuồng tín, hung ác, chiến tranh và sát hại, như sử sách đời Trung-Cổ đã ghi chép. Đức Phật đã giảng châu áo và minh bạch về giá trị của lễ bái. Chúng ta chỉ học kinh điển, chỉ công phu ngày đêm, chỉ tụng kinh, thì không thể nào diệt trừ được vô minh. Chúng ta chỉ cúng dường cho Tăng già, chỉ tu khổ hạnh hay là chỉ giới hạnh bề ngoài, thì không làm sao giải thoát tham, sân, si.

Chúng ta bị nhiễm ô-trược, không phải vì các điều cần-thiết cho thân-thể mà chỉ vì tửu-sắc, hung-ác, ích-kỷ, láo-khuyết, ganh-gét, kiêu-ngạo, khinh-khi, ngạo-mạn, và vọng-tưởng. Bởi những duyên-cớ ấy chúng ta bị ô-trược.

Đức Phật cũng có dạy: « Không nên sống lãng-mạn, dè-hèn, vô-ích, cũng chớ hành xác với phép tu khổ-hạnh vô-bổ-ích, vô hiệu-lực, Đức Phật bác-bỏ hai cực-doan ấy và nhận thấy đường trung-đạo làm chúng ta đứng Chánh-Kiến và trí-tuệ, hướng dẫn đến an-lạc, phá vô-minh, thành chánh-giác và nhập Niết-Bàn, Nhờ thực-hành Bát-Chánh-Đạo, chúng ta có thể diệt-trừ đau khổ».

Vậy là Đức Phật dạy rằng phép tu thân chỉ nhờ tập-luyện trí-tuệ của tự-thân mà tinh-thần, và phải xa lánh phù-phép, dị-doan mù-quáng và áp-bức;

Bài diễn-văn của Đại-Đức Anguttara Nikaya có nói rõ-ràng về lý-thuyết ấy như sau này: Một ngày kia, Đức Thế-Tôn đến xứ Kosalo cùng với Đại-chúng. Bọn Kalamer ở Kesaputta nghe tin ấy; - « Đạo-si Gotama, giòng Sakya (Thích-Ca) hiện

ở Kesaputta » - rồi ai nấy đều mừng-rỡ, tán-thấu : « Chính là đấng Thế-Tôn. Đấng Từ-Phụ của bốn loài... Ngài chuyển pháp luân, Ngài là một vị Chánh giác vô thượng. Đạo Ngài là đạo từ bi, chúng ta rất hân hạnh thấy đặng một vị Thánh nhân như thế ».

Rồi bọn Kalamers tại Kesaputta tìm đến chỗ Ngài ở. Sau khi làm lễ xong, bọn Kalamers bạch Phật rằng : « Có những Đạo sĩ, gần Kesaputta, dạy chúng tôi nên tin giáo lý của các Đạo sĩ ấy và phỉ báng bài bác, khinh khi các điều tín ngưỡng của kẻ khác. Bạch Thế Tôn, thấy như vậy, chúng tôi sanh nghi ngờ và không biết trong lời nói của các đạo sĩ ấy, cái gì phải cái gì quấy ».

Đức Phật dạy rằng : « Các người nghi ngờ là đúng lý, các người không nên tin lời phong văn, lời cổ truyền từ người này nói với người khác, lời đồn, lời truyền tụng của các giáo dân, lời biện luận và lời suy đoán, lời xảo quyết hay là trang sức bề ngoài, những khả năng, những lời nói của Đạo Sĩ, mặc dầu là sư trưởng của các người. Nhưng nếu các người xét một điều gì là xấu, xui giục đi làm đường, điều khả ố, vô ích, điều ấy đem lại đau khổ, thì các người có quyền bác bỏ.

« Nếu các người xét thấy điều tốt, chánh đáng, đem lại hạnh phúc và an lạc, thì các người có quyền tin,

« Này các người! một tin lòng ganh ghét có lợi ích gì không, hay là oán hận và ngu si, có làm cho con người được cao thượng không; các điều ấy có làm được hạnh phúc hay không? »

- « Bạch Đức Thế Tôn, không đem lại hạnh phúc được ».

- « Oán hận, ganh ghét, ngu si, sát hại, tà dâm, nói xấu phỉ báng người khác và làm thiệt hại người ấy, các người nghĩ thế nào Các điều ấy là thiện hay ác? »

- « Bạch Đức Thế-Tôn, Ác ».

- « Các điều ấy đem làm đường hay là chánh đáng? »

— “Đem làm đường, Bạch Đức Thế-Tôn.

— “Các điều ấy làm cho các người hoặc dẫn các người đến đau khổ, hay không ?

— “Các điều ấy, Bạch Đức Thế-Tôn, dẫn chúng tôi đến phiền-não và đau khổ.

— “Này các người, tâm không tham, sân, trí-tuệ sáng-suốt có làm cho con người cao-thượng, có lợi hay là có hại ?

— “Có lợi, Bạch Đức Thế-Tôn.

— “Này, các điều ấy có đem các người đến hạnh-phúc hay không ?

— “Đem đến hạnh-phúc, Bạch Đức Thế-Tôn, và đến An-lạc”.

— “Lại các người cũng rải khắp Vũ-trụ, cả bốn phương và trên dưới, tư-tướng từ, bi, hoan-hỷ, không oán-hận, không hung-ác. Con người sống không oán-hận, không hung-ác, thanh tịnh, tâm-trí trong-sạch, thì sẽ hưởng hai đều lợi-ích : Một là sẽ đến một cảnh-giới chúng ta sẽ hưởng quả các hành-vi của chúng ta ; như vậy chúng ta, sau khi chết sẽ được vào cảnh-giới khác, để hưởng quả tốt, ít nữa trong đời hiện-tại, chúng ta cũng sống một cuộc đời thanh-nhân, vì thoát ly tất cả oán-hận và hung-ác”.

Lại chúng ta cũng nên bác-bỏ sự tín-ngưỡng một đấng thượng đế, tín-ngưỡng cổ-chấp vào mọi sự mọi vật thoát ngoài các định lý, và nên bác-bỏ cái gì chúng ta không nhận-xét đúng như thật.

Người nào không hành-động đúng theo giáo-lý ấy, Đức Phật ví như kẻ mù từ khi sanh ra, cãi rằng không có mặt-trăng, mặt trời, vì người không hề thấy. Tín-tướng rằng không, mà vẫn thật là có. Người nào muốn tinh-tấn trên đường giải-thoát, phải tự mình kinh-nghiệm để biết rõ sự thật. Không chính mịch tu-học (hay là sammaditthi) thì không bao giờ tinh-tấn trên đường giải-thoát. Phật giáo có lẽ là một giáo-huấn độc-nhứt không tín-ngưỡng một tục-truyền mà chỉ trọng công-phu tu-học của mỗi người. Chỗ

nào có khả-năng suy-nghĩ, thì chỗ đó có một Dharma, tức là điều mà Đức Phật đã phát-minh và đã giảng-giải về cách tổ-chức siêu-hình của Vũ-trụ và Đức Phật đã nhận thấy bất-chánh-đạo là đường thiêi-thực hướng-dẫn đến cảnh-giới tối cao thượng.

... Trong thâm tâm của mỗi người, có tiềm-tàng năng-lực tu-luyện đến bậc tối-thiện tối mĩ, và người nào có chí noi theo một giòng sống cao-thượng, kíp hay chầy, sẽ đến đường an lạc, cùng đi với các vị Thánh-nhân. Dharma, hay là Luật thiên-nhiên, bất câu không gian, thời gian nào, cũng thị-hiện đồng một cách, không tùy cá nhân, không tùy danh từ Phật tử, tín đồ Thiên-chúa-giáo, Hồi-giáo, Tôn-giáo khác. Phật giáo chỉ chú trọng tâm tánh, tư-tưởng và hành vi của con người, chớ không chấp trước danh từ. . .

Phật tử chân chánh không đề một định pháp nào bó buộc, mà lại là một người có quyền tư tưởng tự do, theo nghĩa tự do cao thượng. Phật tử chân chánh cũng biết rằng các định-pháp tích-cực hoặc là tiêu-cực không thể làm thoả-mãn; đó là những lý luận, những ý kiến căn cứ vào vô minh và huyền-ảo, vì do Đức Phật xét tự thân Ngài, rồi dạy rằng: Bạc giác ngộ hoàn toàn ở trên mọi lý thuyết, vì đã tự mình thấy biết.

Này là sắc, khi hiện, khi biến.

Này là thọ, khi hiện, khi biến.

Này là tưởng. . . .

Này là hành. . . .

Này là thức. . . .

Phật giáo nói sắc tướng và sự vô thường của thể gian hay là năm uẩn, không phải là lý thuyết, ấy là một sự Thật mà mỗi người có thể tự xét nghiệm, và hể tâm trí giải thoát được sự mê lầm, tức thời đến Niết Bàn.

Căn cứ theo Phật giáo thì đời sống con người chỉ là một giòng trôi-chảy về vật-chất và các hiện-tượng về tâm-trí, giòng ấy có từ vô-thỉ và cứ tiếp-tục mãi, sau khi chết cho đến vô-chung.

Cái mà chúng ta gọi là thân-thể chỉ là một hòa-hợp tướng riêng-biệt của đời sống, không có bản-ngã và bản tướng. Chúng ta biết rằng thân-thể thay đổi từng thời gian, tế-bào cũ biến đi, nhường chỗ cho tế-bào mới, thân-thể hoàn toàn đổi mới trong thời-hạn bảy năm. Vậy nên thân-thể khi hài-nhi không giống thân thể khi thiếu-thời, thân thể của một thanh-niên khác thân thể của người ấy khi trước. Thân-thể không phải là một vật vĩnh viễn, mà lại là một giòng trôi-chảy vô-thường vì các tế-bào thay đổi. Cái mà chúng ta gọi là "trí" cũng là một giòng, luôn luôn biến-chuyển, ấy là giòng tư-tưởng cảm-giác, tình-dục và những trạng-thái tâm-thần thay đổi mãi mãi. Một cảm-giác đau khổ tiếp-nối một cảm-giác thân-hữu, phút này cảm-tình này, phút kia cảm tình khác. Cái mà chúng ta gọi là sinh-vật, con người, chẳng có gì thật bền-vững. Xét theo nghĩa cùng-tột hay là paramattha-vasana, thì không có một bản tướng, bản-ngã cá-nhân, nhưng chỉ là kết-hợp biến-chuyển về hình-thức, vật-chất tính-tình, cảm-giác, tình-dục, tâm-thần.

Chẳng khác gì cái mà chúng ta gọi là cỗ-xe, do trục, bánh gong, hợp lại thành hình-tướng cỗ xe, hay là cái mà chúng ta gọi là nhà, do đá, gạch, gỗ, sắt và các vật-liệu khác hợp thành... Cá-nhân, người này, người kia, tôi, mày, nó, v. v . . . chỉ là những hợp-tướng vô-thường hay là vohara-vasana, và không phải là thật (paramattha-dhamma).

Thân-thể và các hiện-tướng của đời sống chẳng những không có thật, mà lại cũng không có bản-ngã (égo), vì chủ nó. cái có quyền sở-hữu của các vật ấy cũng là những vật ấy đó thôi.

Vậy trong kinh-diễn Phật-Giáo, dùng chữ Ngã, chữ "Tái-Sanh", chỉ là dùng những danh-từ của thế-gian để nói cho dễ hiểu và chúng ta nên hiểu nghĩa riêng biệt theo Phật-Giáo (Vohara-vasana).

Theo Phật-Giáo, nói một cách rớt-ráo (paramattha-vasana) cũng chỉ có vô số giòng trong một cảnh-giới rộng-lớn, luôn luôn biến-

chuyển về sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Và trong cảnh-giới ấy, không có cái gì là thường-trú đâu là trong hai sát-na liên-tiếp. Các hiện-tượng ấy chỉ là chớp-nhoáng đối với thời gian. Kỳ thiết, hiện tượng này diệt, tức thời hiện-tượng khác sanh. Trạng-thái diệt và sanh tiếp tục mãi mãi như làn sóng khác. Cái gì cũng vô-thường biến-đổi «Panta rhei», như nhà triết-lý Héraclite đã thực-nghiệm và nói rằng: «Mọi vật đều biến-chuyển» (tout fuit). Mọi vật đều biến chuyển không ngừng. Các biến-chuyển của sinh vật tương-tục từng giờ, từng ngày, từng năm, từng đời. Như vậy các giòng sắc-tướng vô thường ấy cứ đổi thay thay trong ngàn, vạn năm. Sắc tướng thiên hình vạn tượng của vật-chất tâm thần, dòn-dập thành một bề vô cùng tận ấy là đời sống, là luân hồi (Samsara), là sanh sanh, tử tử; trong Vũ-thiệu đó luật sanh, lão, bệnh, tử chi phối. Chúng ta muốn hiểu rõ Tứ-Diệu-Đế, thì phải quán «tâm vô-thường» «pháp vô-ngã».

Đề giải thích rõ-ràng hai Dụ để sau, tôi tưởng cần trình bày lý thuyết trong Phật giáo nói về «Tái Sanh» mà nhiều người chưa hiểu thấu hoặc ngộ nhận.

Có người nói: Phật Giáo không nhận có một linh hồn, ngã tướng (égo hay là Atman, và atta theo tiếng Ba Ly), nhưng lại dạy rằng «hóa kiếp» «hóa sinh». Như vậy là lầm. Phật giáo không nói linh hồn di dịch thân này qua thân khác. «Tái sanh» của Phật giáo, khác hẳn lý thuyết «thác sanh» của Đạo Bà La Môn, hay là các lý thuyết ngoại đạo nói về «linh hồn di dịch». Đạo Bà La Môn nói có một linh hồn, riêng biệt với thân thể, linh hồn ấy bỏ thân thể là cái vỏ do luật đào thải chi phối, khi chết, và vào một thân thể khác, như con người cởi áo cũ ra và mặc áo mới vào.

«Tái sanh» của Phật giáo có nghĩa khác hẳn. Phật giáo không nhận rằng tâm trí có thể lìa vật chất. Các trạng thái tâm thần đều do các giác quan chi phối, và nếu không có giác quan thì không có các trạng thái ấy được. Ngoài thân thể mà



có tâm trí, Phật giáo cho là một điều phi lý. Cái mà chúng ta thấy, chỉ là những hiện tượng của trí, các hiện tượng của thân thể là những biến chuyển, những thay đổi, không có một phần tử nào trường tồn. Không có ngã tướng (hay là atta) của con người, không có thật tướng, không thường trụ, không di dịch, không có atta, thì làm sao lại nói linh hồn đời thân thể được ?.

Như vậy, sao lại gọi « Tái sanh » nếu không có một bản ngã, một linh hồn ? « Tái sanh » thế nào, nếu không có cái gì có thể sanh lại được ? Trước hết, trong Phật giáo, phải chú ý rằng dùng chữ « Tái Sanh » không đúng hoàn toàn, và cái mà chúng ta nói « Tái-sanh », kỳ thật, chỉ là một phần trong luật Nhân-quả hay là Nghiệp-báo. Cũng như mỗi vật trong sắc giới đều do một nhân tạo thành, mỗi sinh-vật sinh ra cũng do một nhân trước, cái nhân đó là cái sáng tạo sinh-vật ấy. Luật về tâm-trí là chung, là phổ-biến cả Vũ-trụ, bất câu trạng-thái vật-thất nào cũng là Kết-quả của một nguyên-nhân; về phạm-vi tâm-thần cũng vậy, quả là do một nhân sanh ra.

Muốn hiểu điều trên này chúng ta thử xét những điều gì đã hiện-hiện khi một đứa trẻ mới sinh. Sự sanh có phải là kết quả của một ngẫu-nhiên, ví dụ hai đứa con sanh-đôi, mà đứa này có tính-tình khác hẳn đứa kia ? Chắc chắn là không. Mặc dầu sanh đồng-thời, và đồng cha mẹ, nhưng liền sau khi sanh ra, chúng nó đã tỏ ra rất khác nhau về bộ-tịch, tính-tình, xu hướng.

Vì sao lại khác hẳn như vậy ?

Chắc-hẳn không phải vì một sự ngẫu-nhiên chi-phối ấy là do một nhân tạo thành, Bất câu trong phạm-vi vật-chất hay là tinh-thần, một trạng-thái gì cũng có nguyên-nhân mới sanh ra, nghĩa là phải có tổ-chức, có một trạng-thái trước chi-phối.

Ví dụ, sữa có chứa tính-chất biến thành phô-mát; khi nào trạng-thái « phô-mát » đã hiện ra, thì sữa không còn nữa, Mỗi trạng-thái vật-chất hay tâm-thần cũng có một hiệu lực một kết-quả tiềm-tàng, và khi nào « quả » hiện, thì « nhân » biến mất.

Cái « nhân » của một hài-nhi không phải là cha mẹ, nếu quả thật vậy thì cha mẹ đã không tồn tại nữa... Mặc dầu trí của cha mẹ có ảnh hưởng lớn đối với tính tình của con khi đậu thai, nhứt là tâm-trí của người mẹ, nhưng căn bản của tính tình người con không phải do tính tình cha mẹ chi phối.

Theo Phật-giáo, thì có ba yếu tố làm thành phần của cái thai: tiêu noãn (hột-đậu) của người đàn bà, giống của đấng ông và sinh-lực của sinh vật phóng ra khi chết (hay là Kamma-vega). Cha và mẹ chỉ giúp vật-chất cần thiết cho sự cấu tạo một hình hài mới. Nói về tính-tình, xu-hướng tập-nhiễm sẵn có tiềm tàng trong thai-bào, thì Phật-giáo giải thích rằng: « Người nào, khi chết, quyến luyến đời sống phát ra sinh lực tham sống, và dụng một chỗ chứa đựng là tử cung, và nhờ sự tác động của tiêu noãn và tinh dịch, cái thai tự thành. Sự đậu thai giải bày trên có thể so sánh với sự phát sanh những luồng âm thanh. Khi chúng ta nói, chúng ta làm cho không khí chuyển động (tức là luồng âm thanh) luồng âm thanh chạm vào cơ quan thính giác, đổi lại âm thanh đồng loại, đồng « hình » với âm thanh nguyên thủy. Nhưng « cái tiếng » không phải một vật mà luồng không khí có thể cho chỗ này qua chỗ khác, ấy là một « sức lực » tác động. « Sức lực » ấy cũng tác động giống như « sức lực » của con người phát ra khi chết, còn cha mẹ chỉ giúp vật chất cần thiết cho sự cấu tạo một con người mới. Không có sự di dịch của một sinh vật hay là của một linh hồn, chỉ có một « sinh lực ».

Chúng ta có thể dẫn một ví-dụ khác để hiểu rõ giống sinh tử, cũng giống như nước gợn sóng. Các làn sóng, không do cả khối nước chuyển động mà chỉ do mặt nước bị lay chuyển mà sanh ra, rồi làn sóng này hạ, làm cho làn sóng khác khởi, như vậy mãi mãi. Đức Phật cũng dạy rằng trong bể Luân Hồi không có từng cá nhân, có ngã tướng nhưng chỉ có những luồng sinh-hoạt, một giống sắc-tướng, biến chuyển mãi mãi về vật chất và tâm thần. Cái nhân tác động ra đời sống và cái giống sinh sinh, tử tử là lòng tham sanh; lòng luyến-ái cuộc đời, và các tình-dục (tanhã) nguyên nhân của sự đau khổ.

Như vậy, giòng sống là do ý chí tham sống phát sanh, trong khi chết. Cái lòng tham sống chẳng những là nhân trực tiếp của đau khổ hiện tại về thân và tâm, mà lại là nhân của hình tướng thân tâm nữa. Tóm tắt, ấy là yếu nghĩa của « Tập Đễ » (Diệu Đễ thứ 2)

Diệt Đễ (Diệu Đễ thứ ba); nhiều người thường hay ngộ giải. Mục-dịch cứu-kính của Phật-giáo là Niết-Bàn, thường ví như sự tiêu-diệt cái « Ta » hay là « ngã-tướng » Nhưng chúng tôi đã trình bày trên hẳn không có ngã-tướng, không có cái « ta » của thân này đời qua thân khác. Sau khi chết, cái hợp-tướng « thân-tâm » không phải tiếp tục trong một sinh-vật giống như sinh-vật trước, ấy chỉ là sự kết hợp của ý-chí phát ra, khi một sinh-vật chết. Nếu sự bất hoạt-dộng của một sinh vật nghĩa là « tiêu-diệt » (tu-tướng ấy là của những người không tin giáo-lý « Tái-sanh » của Phật-giáo), thì sự cấm-giao-cầu có nghĩa là tiêu diệt giòng-sống, vì làm cách ấy là tránh sự sinh hóa. Đã nói « cảnh giới vô-sinh, vô-tử » (Niết-bàn), thì có lẽ nào nói rằng tiêu-diệt đời sống.

Nhưng chỉ có cái lý rằng vị Thánh-nhơn hay là A-La-Hán (Arahat), thoát-ly tham-dục, chỉ sống trong thời gian còn tham-dục, nghĩa là sống đến khi các nhân của sự đau-khổ đều tiêu-diệt.

Lý luận ấy cũng có ích cho thế-gian, vì lòng vị-kỷ là cội rễ của tất cả điều phiền não và đau khổ. Lòng tham-dục chính là cái nhân của các vụ chiến-đấu, tội ác, lưu-luyến, tàn-nhân, say-cuồng và mọi sự tàn-bạo.

Đức Phật dạy rằng: « Lòng tham hướng-dẫn, xui-giục, thì con người phải phạm các tội về thân, khẩu, ý, phải đi vào đường tà và sau khi chết, phải đọa vào ác đạo. Sẽ có một thời-gian quả đất bị lửa tiêu-diệt và tan mất. Nhưng, người nào còn lòng tham, thì không bao giờ hết đau khổ. Người ấy sanh sanh, tử tử mãi-mãi trong vòng luân hồi ».

Ngày kia một người Bà-La-Môn hỏi ông Xá-Lợi-Phất (Sāriputta): « Người ta nói Niết-Bàn, Thừa Đại-Đức Niết-Bàn là gì? »

« Niết-bàn là giải-thoát tham, sân, si » . . .

« Vậy thì có đường nào đi đến Niết-bàn hay không ?

« Có một đường, là đường hướng-dẫn đến an-tĩnh, đến tri-huệ, đến ánh sáng, đến Niết-Bàn. Ấy là đường tám ngã, hay là Bát-Chánh-Đạo: Chánh-kiến, Chánh tư-duy, Chánh-ngũ, Chánh mạng, Chánh-nghiệp, Chánh tinh-tấn, Chánh-niệm, Chánh-định.

Mục-dịch tối cao-thượng của Phật-giáo là Niết-Bàn, là giải-thoát mọi vọng-tưởng, mọi tham-dục, cùng mọi phiền não.

Đến đây tôi tưởng cần nhắc lại rằng nếu không hiểu sự biến-chuyển của mọi sắc-tướng, của giòng sông, của sự « tái sinh » của sự diệt-khổ trong Phật giáo, thì không thể nào tin có Niết-Bàn.

Người nào không nhận thức rõ ràng và sâu xa sự vô thường của mọi sự mọi vật (hay là Anatta) thì không khỏi tư tưởng sai lầm, và lại tưởng rằng Đức Phật dạy tiêu diệt cái bản thân hay là bản ngã. Nếu mục đích như vậy thì có quý gì, nên bác bỏ.

Người ta thường nói Đạo Phật là 'đạo chán đời, bi quan, vì dạy rằng điều phiền não và điều khổ là cái sẵn có của con người. Chư Quý Vị cũng rõ, không phải vậy; Đức Phật chẳng những giải bày sự đau khổ mà thôi, mà lại còn dạy tìm nguyên nhân sự đau khổ và phương pháp giải thoát.

Phật giáo thật là một đạo chân chánh lạc quan. Ấy là đạo cứu thế, đầy hy vọng, ấy là đạo tỏ bày cho người, mặc dầu người ấy đã phạm tội đại ác, cũng có thể tự tập đến cảnh giới toàn thiện, toàn mỹ, chẳng phải nhờ mê tín, lễ bái, cầu nguyện, mà chỉ nhờ nhứt tâm huấn luyện tâm tính và hành vi theo Bát Chánh Đạo.

(Bà S. STORK dịch bản chữ Đức ra chữ Pháp, đăng trong tập « Deux essais sur le Bouddhisme », và QUANG LUẬN dịch bản chữ Pháp ra chữ Việt).

# DIỄN VĂN

Thầy Chánh - Hội - Trường Tổng - Trị - Sự  
Hội Việt - Nam Phật - Học

đọc trong dịp lễ Kỷ - Niệm Ngày Chu - Niên  
thứ 19 của Hội

## NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU-NI PHẬT

Kính bạch quý Ngài Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư,  
Kính thưa quý liệt Đại-Đức Tăng-Già,  
Kính thưa quý Đạo-Hữu,

Thay mặt cho hàng triệu đạo-hữu hội-viên khắp các Tỉnh-Hội, Chi-Hội cũng như hết thầy các Khuôn Tịnh-Độ trong toàn cõi Trung-Việt, và nhân-danh Tổng Trị Sự Hội Việt Nam Phật Học, chúng tôi xin thành tâm cảm tạ thâm ân của quý Ngài cùng toàn thể đạo hữu đã hoan hỷ quang lâm dự lễ Kỷ Niệm Ngày Chu Niên thứ 19 của Hội chúng tôi hôm nay.

Sự chứng minh cao quý của quý Ngài, sự hiện diện đông đúc của quý Đạo hữu trong giờ phút vừa trang nghiêm vừa thân mật này đây, làm cho chúng tôi sung sướng nhận thấy một mối cảm thông, mối cảm thông sâu sắc và duy nhất trong mục đích truyền bá Chánh Pháp Phật Đà, giữa các hàng Tăng Già của Sơn Môn và cư sĩ của Hội, giữa những người khuất mặt và hiện có mặt đã vì Hội.

Quang cảnh êm vui, đoàn-tụ hiện tại càng giúp chúng tôi tin tưởng vững vàng trên lịch trình tiến triển của

Hội Việt Nam Phật học với tất cả những kết quả tốt đẹp, vào dịp làm lễ mừng thêm một tuổi.

Thưa toàn thể Hội Hữu,

Mặc dầu vì thời-cuộc hiện-tại mà toàn khối của Hội chúng ta phải chịu đôi phần gián đoạn, với không gian tuy nhất thời cách trở, nhưng chúng tôi tin chắc chốn chốn, nơi nơi trong toàn xứ, đều như nhau chung một thời gian, đồng một cảm niệm, các hội hữu hiện đang cùng chúng tôi cử hành lễ Kỷ Niệm này.

Chúng tôi xin kính gửi lời chào mừng thân mến khắp tất cả.

Chúng tôi mong rằng, để tỏ lòng biết ơn đối với quý Ngài, quý liệt Đại Đức Tăng Già và cư sĩ dân anh đã dẫn đạo cho chúng ta, trong mười chín năm qua trên bước đường tu học, ngày lễ hôm nay cũng chính là ngày để chúng ta ôn lại những thành tích quá vãng, kiểm điểm lại những công trình hiện tại và dự tính đến những kết quả tương lai, hầu phát động phong trào Phật Học ngày càng mãnh liệt.

Di-vãng của Hội đã cho chúng ta thấy cách chỉ đạo chính đáng của quý Vị Đại Sư Tăng Già và lòng nhiệt thành, kiên cố của các cư sĩ mà đều là sáng lập Hội viên, khiến chúng ta luôn luôn sùng kính, noi làm gương mẫu.

Hiện-tại của Hội đang cho chúng ta biết sự hoạt động không ngừng của các cấp trị sự từ Tổng Hội đến các Tỉnh Hội, Chi Hội cùng các Ban Chức Vụ các Khuôn Tịnh Độ khắp nơi, sự ủng hộ sốt sắn của toàn thể đạo hữu trong tất cả các tầng lớp dân chúng, làm chúng ta hăng hái tham gia Phật sự, lấy khuyết điểm làm kinh nghiệm cho ưu điểm.

Tương-lai của Hội cũng cho chúng ta trực nhận ngay thành công trong việc chấn hưng Phật Giáo Việt Nam, và sẽ cùng tin đồ Phật Giáo thế giới bắt tay thân ái, lo xây dựng hạnh phúc nhân loại trên giáo-pháp Như Lai, làm chúng ta phấn khởi tinh tiến hoài, tiếp nhau nối ánh lửa Đạo, lướt qua đêm sương mù, hắc ám.

Tôn chỉ của Hội căn cứ trên sự «hoằng dương Chánh Pháp», nghĩa là truyền bá giáo lý của Đức Phật để hướng dẫn cho người theo ba phương diện Bi, Trí, Dũng. Suốt mười chín năm qua, tôn chỉ ấy vẫn là một giòng thời gian trong sáng, huy hoàng, trong việc đào tạo lấy con người tốt cho tất cả các tổ chức xã hội, tất cả chủ-trương dân tộc, ở giữa cuộc đời phức tạp.

Trải mấy phong trào, qua bao biến cố, mặc dầu đất nước đang phải đắm chìm vì khói lửa, can qua, hay mai đây thanh bình trở lại, ánh lửa Đạo mà Hội chúng ta duy trì vẫn là ánh lửa mặt trời cần thiết cho người sống của mọi thời, mọi cảnh.

Một tôn chỉ rõ ràng với những thành tích thích đáng, không cần phải phô trương, đường lối của Hội là một đường lối quang minh, chẳng có ai là không công nhận.

Lấy Phật Pháp làm căn bản, chúng ta cùng một lần tự rèn luyện lấy mình và diu dắt mọi người trở về với Chân, Thiện, Mỹ, tất nhiên chúng ta cốt lo lắng cho Hội ngày một trưởng thành, hướng theo chân tinh-thần Phật Giáo, chớ không ngại vì đổi thay lệ thuộc với thế gian.

Bánh xe Tiến-Hóa xoay hoài, thì Pháp-Luân cũng thường chuyển, để đẩy lui tất cả những gì phản với sự Thật, Đẹp và Lành, đồng thời để đưa nhân loại đến đích an-vui vĩnh-viễn.

Chính cái tôn-chỉ, cái mục đích chính đáng ấy đã làm cho các đơn-vị tổ chức của Hội dù có phải ngăn cách

nhau bởi không gian hay thời gian, tất cả hội hữu đều biết thực hành đúng đắn đối với Hội, muôn người như một đã gầy hẳn một lực lượng trung thành và tin tưởng.

Có chúng sanh thì có Phật. Nhân loại đang còn đau thương thì Phật Pháp còn phải phổ cập. Cho nên chúng ta cũng có thể nói Hội Phật Học không thể thiếu mặt để phải thiếu hụt những người học Phật, những Phật tử chân chính, hứa dụng thật sự cho đời.

Cũng như người bệnh trầm trọng đang cần thuốc hơn bao giờ hết, tình-thế hiện-tại là một giai-đoạn để có sự thực-hành khẩn-cấp của những người học Phật có căn-bản, giai-đoạn cần-thiết để được chứng-minh lòng thương yêu, trí sáng-suốt và sức dũng-mãnh của người Phật-tử chí-thành.

Chính nhờ đó mà giá-trị của đàn con Phật sẽ được biểu-dương rõ rệt, được có dịp xứng đáng đáp lại Hồng-ân Tam-bảo. Chúng ta hãy bình tĩnh lo tròn nhiệm vụ.

Chúng ta cố gắng đem gương mặt vui tươi thay thế nét châu mày thâm trầm, chúng ta cố gắng đem giọng cười an lạc ngăn lấp tiếng khóc hờn oan, chúng ta cố gắng đem hết lòng nhân ái của mình sưởi ấm những cõi lòng tang tóc.

Với những công trình đạo đức, chúng ta tiến mạnh đến cuộc kiến thiết nhân tâm. Với diệu-pháp của đấng Y-Vương, chúng ta đi mau đến việc thanh-trừ tâm-bệnh.

Và để thực hiện dễ dàng bao nhiêu điều đó, cũng hơn bao giờ hết, chúng ta phải cố công khai thác, kết nạp thêm những người có thiện chí, có đạo tâm, sẵn sàng hi sinh vì Đạo.

Giữa ba đào của khổ hải, chiếc thuyền Phật-Học luôn luôn chờ đợi những tay lái lành nghề, những mái chèo



vững chắc. Tuy nhiên, châu báu đâu có phải như sạn sỏi ngang-ngửa dọc đường mà dễ kiếm.

Chúng tôi rất mong mỗi mỗi đạo hữu chúng ta đều nên chú trọng vào công việc này, để khỏi bỏ qua những tấm lòng hộ-pháp quý giá.

Thưa các Hội-hữu,

Không quên ơn và tỏ ra xứng đáng đối với những người tiền-bối có công với Hội, chỉ có nghĩa là bao giờ chúng ta cũng biết theo gương người xưa lo tu học, thực hành sự tu học, đồng thời sốt sắng góp công vào thanh-thế của Hội, để lại làm gương nữa cho các bạn hậu-tiến sau này.

Mười chín năm lịch sử, từ tôn-chỉ, từ chửc đến địa vị, trải qua bao nhiêu lũy hào chướng ngại, Hội chúng ta đã gây được nhiều uy tín trong quần chúng, chiếm được nhiều cảm tình trong các hàng trí thức toàn quốc và vẫn được sự hiểu biết dễ dàng, sáng suốt của các chính phủ qua mọi thời. Thêm vào những vinh-dự nói trên, Hội còn may mắn được sự hưởng ứng thường xuyên, sự tiếp đón ạn cần của toàn thể Phật-Giáo-dồ chân chính, nên kết quả của công việc hoằng-hóa cũng được rõ ràng, rực rỡ. Tuy chỉ có bấy nhiêu, nhưng phần thưởng của kẻ con nhà Phật trên đường hoằng-đạo, cũng không mong chi ngoài thế mới phần chấn tinh-thần.

Với kho tàng vô tận của một đạo giáo đã gọi là thêm thắm, thì chương trình tu học của Hội vẫn còn phải tiếp tục hoai, sự đào luyện con người tốt, sẽ còn phải đào luyện cho tốt mãi. Một xã hội càng tiến hóa, càng mới mẻ, lại càng phải cần sự có mặt của những con người chân-chất ấy. Một quốc gia càng tự do, càng phú cường, lại càng phải cần sự góp sức của những con người thuần-túy ấy.

Thiếu những con người tốt ấy, không một xã hội nào tự hào vững chắc trong sự xây dựng giống nòi. Vững những con người tốt ấy, không một quốc gia nào tự đắc thành công trong việc kiến thiết non sông.

Tinh thần của một dân-tộc từ quá-khứ qua hiện-tại cho đến tương-lai, nếu trị giá được cao chừng nào, cũng do ở sự biết nhận xét và biết hành động chính đáng của những con người tốt ấy.

Gần đây phong trào hưng khởi của Phật Giáo thế giới bỗng như lay lún một số tín đồ thiếu căn bản, xưa rày, bị chìm đắm trong hư danh, quyền lợi cá-nhân. Nếu quả bọ thức tỉnh mà lại cũng chỉ vì quyền lợi và hư danh nào đó, thì chúng ta vẫn chẳng tin tưởng gì vào hạng người này trong việc phát triển chân tinh thần của đạo Phật chung cho tất cả năm châu.

Phật Giáo thế giới không phải gần đây mới có, duy chỉ có là dân tộc Việt Nam trưởng thành, thì lẽ tất nhiên Phật Giáo Việt Nam cũng như hoa đến kỳ thì nở, hoặc trước hoặc sau, không thể nào thiếu mặt trong đạo-trường quốc tế ấy được.

Hội-nghị Phật Giáo thế giới tại thủ đô Tích Lan trong năm vừa qua, đã trực tiếp gửi thư mời Hội chúng ta tham dự. Tuy gặp trở duyên khiếm diện trong Hội nghị ấy, chúng ta vẫn không quên đề cập và nêu cao lên báo Viên-Âm, cùng lo vận động sự thực hiện thống nhất Phật Giáo toàn quốc hầu làm đẹp vị địa phương chân chính, đề nâng cao nền Phật Giáo thế giới, một khi nguyên tắc được toàn thể Phật-tử nước nhà thừa nhận thích đáng.

Nguyên vọng ấy là nguyện vọng từ lâu của chúng ta, nhưng vì thời cuộc, vì tình hình trở ngại, chưa có dịp nào cho phép chúng ta đi đến sự thực hiện đó thôi.

Ngày nay trước tình thế thuận tiện hơn, chúng tôi tin chắc rằng vấn đề thống nhất Phật Giáo Việt-Nam chỉ còn là một vấn đề thời gian mà sự giải quyết sẽ không có gì gay gắt, theo thiện-chí hiện hữu của Phật-Giáo-đồ toàn quốc.

Trước phong trào phục hưng Phật Giáo giữa nước nhà và thế giới, chúng tôi vẫn tin rằng, riêng Hội hữu chúng ta trái lại đã không xôn xao, thắc mắc một cách vô ích, mà chắc tất cả đều đang phấn khởi trau dồi thêm sự tu học của người Phật-tử chí thành, sẵn sàng đề cung ứng vào trách nhiệm hộ trì Chánh-Pháp, bất luận là quốc gia hay quốc tế.

Chúng ta chỉ biết, suốt đời Ngài vị Giáo-Chủ của chúng ta là một hình ảnh hoạt động. Là đệ tử, theo vết Ngài đi, chúng ta cũng không ngừng hoạt động để bảo tồn ánh sáng rực rỡ của nền giáo lý vô thượng của đức Thế-Tôn, đã hy sinh tất cả mới đem lại được cho chúng ta. Và hội viên chúng ta trong mười chín năm qua, kể sau như người trước, dưới hào quang chiếu diệu của Như-Lai, chúng ta ai cũng vì Hội, vì sự hoằng dương Chánh-Pháp của Hội, đã hoạt động mạnh mẽ, ngoài tất cả tư tưởng lợi dụng Đạo, lợi dụng Hội để làm gì, và khăng khít ngăn ngừa óc lợi dụng ấy bất cứ của ai. Chúng ta nên coi đó là một vinh dự, và một cái vinh dự phải được duy trì thiết thực, bền bỉ.

Trong kỳ Tổng Hội Đồng của Hội ngày 22-4-54, theo sự quyết nghị của đại biểu các Tỉnh Hội, một đại-hội đại-biểu toàn xứ của Gia-đình Phật-tử phải được Tổng Trị Sự triệu tập trong niên khóa này, để chỉnh đốn thể-thức huấn luyện và giáo dục các hàng Thanh, Thiếu Nhi Phật tử toàn xứ cho duy nhất. Xét việc đào tạo con em thành những Phật tử chân-chính về mai hậu, trên nền tảng Phật giáo về ba phương diện Đức Dục, Trí Dục

và Thê Dục là việc tối cần, chúng tôi kêu gọi lòng nhiệt thành của các bậc phụ, huynh các con em ấy ở các Tỉnh Hội hãy sốt sắng giúp đỡ các ban huynh-trưởng của các Gia-đình trong Tỉnh Hội mình, để cho Đại Hội này triệu tập trong một ngày gần đây, được thành tựu với kết quả tốt.

Ngoài ra, nếu Đạo ta đã được gọi là Đạo Giác-Ngộ thì Hội chúng ta phải là một Hội mà việc chính là Văn hóa. Danh từ Phật Học của Hội là đã hàm súc tất cả cái nghĩa văn hóa Phật Giáo rồi vậy. Cho nên Tổng Trị Sự năm nay còn chú trọng đặc biệt về mặt Văn Hóa. Văn Hóa đã là một vấn đề quan trọng đối với nhân sinh, thì Phật Giáo vốn là một kho tàng văn hóa vô giá để thiết dựng vào mọi trào lưu, mọi tổ chức văn-hóa của xã hội và dân tộc. Khó là ở chỗ chúng ta phải ra công khai thác, biết khai thác và áp dụng cho thích hợp.

Tuy nhiên, cũng như đặt viên đá đầu tiên của một lâu đài nguy nga phải xây dựng, chúng tôi mới đây đã tập xong thành phần Ban Văn Hóa toàn Hội, gồm có các ngành Điện-Giăng Biên Tập, Nghi Lễ, Vận Động Tô-Chức, Văn Nghệ và Ấn Loát Phát Hành. Các ngành ấy, với phạm vi chuyên môn riêng vẫn chung một nguyên tắc là tập trung và phát khởi tất cả mọi hoạt động của Toàn Hội, để giúp sự hướng dẫn của Tổng Trị Sự cho được nhịp nhàng và có hiệu quả.

Tổng Trị Sự chúng tôi thiết tha chờ đón tất cả các trợ lực về vật chất hay tinh thần của các Tỉnh Hội, Chi Hội, Khuôn Tỉnh Độ và Hội hữu khắp xứ, muốn phát tâm góp công đức vào các ngành của Ban Văn Hóa, để giúp sự tiến hành dễ dãi.

Thưa các Đạo hữu,

Cuộc tiến hóa xã hội và dân tộc phải đi đôi với Chánh-Pháp được hoàng dương đúng đắn và mạnh mẽ, Sự liên

quan mật thiết giữa đời và đạo không cho phép chúng ta giam chặt những lý thuyết, những tư tưởng suông vào trong một cái lồng chật hẹp, ăn-hình nào. Bản phận chúng ta là phải phá đổ những bức tường cố chấp, vì thành kiến hẹp hòi và những sự chi phối vô lý, đã trở ngại một cách vô lý giữa đạo và đời, để chúng ta chung trộn vào sự sống thật sự của quần chúng, làm phổ thông giáo lý từ bi và bình đẳng của Phật, đem phương tiện giác ngộ xé tan làn bức màn mê lầm, đen tối đang bao phủ, đè nặng nhân sinh. Sự giải thoát của con người chỉ thực hiện bằng sự tranh đấu chính đáng, quả cảm của trí người và sức người, được tập trung và tác động liên tiếp bởi lòng từ-bi của con người giác ngộ, rạng ngời Phật-tánh. Cho nên Hội chúng ta chủ trương giáo điều đi đôi với thực tế, sự tu học đi đôi bằng với sự thực hành, hầu mong gây hạnh phúc thực sự cho mình cũng như cho người trong mọi thời đại.

Chúng tôi ước ao chương trình hoạt động Phật sự của Hội chúng ta từ đây sẽ được toàn thể đạo hữu khắp các tầng lớp xã hội hưởng ứng mãnh liệt và tham gia tích cực để nâng cao thêm địa vị của Đạo trên hoàn vũ. Đặt Chánh-Pháp lên trên hết, dung hòa, kết tập sáng kiến của nhau và kề vai sát cánh, Phật tử chúng ta quyết tâm chung lo tô bồi lấy tiền đề Phật Giáo, thì ước ao của chúng tôi ở trên sẽ là một nguồn tin tưởng hoàn toàn hoan lạc.

Chúng tôi tin tưởng ánh lửa Phật Học sẽ đốt lên cái tôi vị kỷ ở mọi người để biến thành một cái tôi xã-hội phóng đại, thích dụng cho đại-chúng.

Dưới ánh lửa ấy, chúng tôi tin tưởng càng ngày ai ai cũng sẽ hiểu rõ lời nhà đại thi-hào của Ấn Độ, Rabindranath TAGORE lừng danh trên thế giới, mà nói: « Tôi càng

ngày càng hiểu rõ cái giáo lý của Phật dạy rằng cõi rỗi của mọi đời phiền não là ở cái bản ngã của chúng ta vậy».

Nhận biết cái của mình, riêng của mình là mê lầm, thì Phật tử chúng ta không ai tiếc chi cái vỏ cá-nhân bề ngoài, mà không đập vỡ tung ra để đi đến ngay với cái của toàn thể đẹp đẽ và chính đáng hơn.

Kỷ niệm lễ Chu Niên thứ 19 của Hội chúng ta trong ngày Vía Xuất Gia của Phật, tất cả Hội hữu khắp các phương trời của xứ sở thân yêu, đánh lễ trước oai-thần Tam Bảo, cũng như chúng tôi, đã cùng nhau hộ niệm đề cầu siêu cho liệt vị Tăng Già sáng lập và hội viên quá cố, cầu an chung cho hết thảy hội hữu và cầu nguyện nước nhà mau hòa bình, an lạc, cũng không ngoài sự nhắc-nhở chúng ta học và làm các hạnh tinh tấn của Chư Phật, Bồ Tát, đem một lòng thâm cảm phụng sự Chánh-Pháp, phát huy Chánh-Pháp, cho đồng thời thích ứng với sự tiến hóa của nước nhà, cũng như phù hợp và nâng cao cuộc canh tân của thế giới ngày nay.

Cách đây trên hai nghìn rưỡi năm, cũng ngày hôm nay đức Bồn-Sư của chúng ta đã xuất-gia, vì mục đích cứu đời mà ra đi tìm Đạo, vứt bỏ hết thảy hạnh phúc sang đai riêng của Ngài mà thế gian khát vọng. Ngài đã thành công qua muôn vạn thử thách, gian truân và công trạng của Ngài chính là ánh sáng hào quang vĩnh viễn quét sạch mù sương, tiêu diệt tối tăm và dẫn đường cho nhân-loại.

May mắn có phước duyên được nối gót đức Thầychí Đạo Cao-Cả như thế, hội viên Hội Phật-Học chúng ta kỷ niệm ngày Xuất-Gia của Ngài, nguyện sẽ cùng nhau tiến tới nhiệm-vụ chân thật và hữu-ích của mình đúng theo lời Phật dạy.

Rồi đây, nếu nhân-loại còn chưa gặp gỡ nhau trong cái tinh-thần BI, TRÍ, DŨNG của Phật-Đà, thế giới còn chưa đi đến hòa-bình, an-lạc của Như-lai, dân-tộc chưa hết đau-khổ, non sông chưa hết khổ-tàn, thì tiếng chuông của Đạo Giác-Ngộ còn vang động mười phương sứ-mệnh của người học Phật, những hội-viên Hội Phật-Học, còn phải cứ vất vả hoài, và đề, chúc mừng cùng sách-tấn nhau giữa các hàng Hội-bửu, ngày Kỷ-niệm chu-Niên của Hội Việt Nam Phật-học trong ngày Vía Xuất Gia, vẫn còn đề cho chúng ta cử hành mãi mãi...

Đức Phật

# Hành-Động của Phật-Tử

THÍCH CHƠN - TRI

*Người Phật tử theo đạo Phật là phải nhằm mục đích của Phật đã mà tiến. Mục đích của Phật đâu là gì? Là từ bi và giải thoát. Cũng như người đi săn là phải nhằm rừng núi mà vào; mục đích người đi săn là gì? Nếu không phải; ích kỷ vụ lợi, phá phách cướp đoạt mạng sống của cầm thú?!* . .

*Từ bi là mục phiêu của người Phật tử cũng như giải thoát là ý sống thanh cao của đoàn con Phật. Từ bi và giải thoát là quan lộ chủ nhiệt của người Phật tử đi.*

*Song sự tìm hiểu đã đưa mắt mọi người nhìn vào thật trạng; nghĩa là mọi người sẽ tìm hiểu Phật tức hành động như thế nào?*

*Đầu tiên người Phật tử áp dụng đạo Từ bi; Nhờ giáo lý rõ ràng và trí thông minh thanh tịnh, người Phật tử đã thấu rõ lý tương duyên tương quan rất mật thiết giữa người và người, cũng như giữa người và vật... Vì thế trước hết người Phật tử không bao giờ hạ giá trị của mọi người mọi loài để nâng cao giá trị của mình; cho đến không bao giờ vì lẽ sinh tồn tự thân hay thỏa mãn dục vọng mà Phật tử cắt ngang mạng sống của chúng sanh. Người Phật tử còn đi đôi mắt sáng để sát thị giá trị muôn vàn của lẽ sống; hơn nữa người Phật tử còn có ý niệm tôn trọng quyền tự do và bình đẳng của chúng sanh. Và lại người Phật tử nhất thiết phải nhận sự đào bới hạnh phúc trong lửa và máu. Cho nên người Phật tử đã tha thiết giữ đạo Từ bi và hàn*



hoan tung mầm giải thoát. Điều thiết cần nhất Phật tử đã thật hành được là người Phật tử đã tự mình ăn chay để giữ đúng tinh thần giới bất sát của đạo Phật; đồng thời lại khuyên mọi người giữ giới bất sát như mình.

Người Phật tử ăn chay và giữ giới bất sát sanh, đó là Phật tử đã đạt được một tầng đá lớn cho hòa bình thế giới và những điều ấy cũng đủ giải quyết dứt phần mọi vấn đề phức tạp cho cuộc sống chung hiện tại.

Ý niệm và hành động lợi tha của người Phật tử có thể xem như một vấn đề tất nhu mà sự quan hệ và cần thiết ấy vẫn không kém gì hơi thở và mạng sống của nhân loại; nhất là trong lúc này.

Song, đối với bản thân mình, không phải người Phật tử đã tự xem như một vấn đề kia phở. Trái lại người Phật tử rất chủ trọng. Cho nên người Phật tử với hằng ngày, đã y theo hạnh tinh tấn của đức Phật để sách cần; đồng thời chủ điều người Phật tử đeo đuổi, chính là đạo luyện cho tư tưởng cũng như hành vi mình ngày càng khoáng đạt và chân chánh.

Dưới đây là tám điều cần thiết để người Phật tử tự gây dựng cho đời mình trở thành chân chính và hữu ích.

1) CHÁNH TRI KIẾN. — Là kiến thức hợp lý; nói một cách khác: Sự nhận thức sáng suốt và chính đáng. Sự nhận thức ấy, không mê hoặc bởi những lý thuyết vô căn. Không hấp dẫn bởi những tư tưởng tập truyền cổ hủ, có hại cho tinh thần tiến đạt. Hơn nữa, sự nhận thức ấy phải dựa trên lý doan và thật nghiệm. Có thể, mới tạo cho mình một trí thức khoáng đạt và đúng đắn.

2) CHÁNH TU DUY. Là sự suy nghĩ chọn chánh. Suy nghĩ là sức mạnh cứu đời mà mọi hành vi động tác chỉ là phản ảnh trung thành của nó. Cho nên Phật tử

muốn chinh đốn hành vi mình, *điều cần thiết nhất là trước tiên nên chinh đốn sự suy nghĩ. Song muốn cho sự suy nghĩ được chân chánh người Phật tử phải suy nghĩ như thế nào: Là Phật tử, nhất thiết không nên cuộc làm kiến lượng về nhìn đời mình quá ngắn ngủi bằng quan niệm «Mở đầu trên cái nôi và chấm hết trong cái mả» Người Phật tử cần phải nhìn xa rộng và bao biển hơn. Và đại giá trị nhân xét của người Phật tử là ở sự thật hành. Cho nên sự suy nghĩ và nhân xét có rộng rãi như Thái hư, thì ảnh hưởng cao đẹp của thật hành mới bao la như cự hải. . . và cũng chính vì thế mà Phật tử phải thận trọng sự suy nghĩ, đừng để một viên mảy mảy đen tối về mờ có thể len lỏi vào tâm hồn thanh tịnh.*

III) CHÁNH NGŨ — Là lời nói chân chánh. Lời nói là dụng cụ quan hệ nhất cho một đời người cũng như chung cho tất cả toàn thể nhân loại. Vì chính nó đã trình bày được tư tưởng và ý niệm một cách rạch ròi và giản dị. Song đức Phật vẫn dạy: «Ở đời tai họa phần nhiều từ miệng mà sanh; nên giữ gìn miệng lưỡi hơn giữ gìn lửa cháy; lửa chỉ đốt cháy được của sai thể gian, nhưng lời nói bất chính có thể đốt cháy cả ba món thánh tài (Kinh Báo ân)

Cho nên Phật tử cần phải giữ lời nói chính đáng mà không nói những điều tà vạy có hại cho mình, nhất là cho mọi người.

IV) CHÁNH NGHIỆP — Là hành-động chân-chánh. Hành động là phản ảnh mật thiết của ý niệm. Phật tử chú trọng cái thiện ý niệm, thì hành vi phải chân chánh đây là một lẽ tất nhiên. Song hành động chân chính phải là thế nào?

Là Phật tử, tất cả đều nhắm vào một mục đích: Lấy lợi sanh làm sự nghiệp. Mà ý nghĩa lợi sanh thiết cận nhất, chính là tự mình phải cải thiện mọi

hành vi bạo ác cho tự thân cũng như cho đoàn thể và xã hội v.v.. trở thành thuần lương và toàn mỹ.

V) CHÁNH MẠNG — Đời sống chân chính. Sau khi thâm nhập giáo lý của Phật đà, người Phật tử liền thấu nhận nơi mình cũng như nơi mọi người, đều có một hoài bão quý giá vô biên, hoài bão ấy đã vượt lên trên tất cả mọi quý giá khác bên ngoài; hoài bão ấy là Bản thể thanh tịnh Như lai, là Phật tánh của con người, tự nó đầy đủ muốn vàn công đức... Đây là một lẽ chính, mà người Phật tử càng nâng cao phẩm giá bên trong bao nhiêu, thì đồng thời càng xem thường mọi hiện tượng bên ngoài bấy nhiêu. Sở dĩ trong đạo Phật có những hạnh tu như khổ sĩ đầu đà v.v., cũng chỉ là những ý niệm ấy. Và cũng do đó mà đời sống của người Phật tử càng được giản dị và thanh cao.

Người Phật tử sống ly dục, sống giải thoát và giữ niệm thanh cao, đó là những yếu kiện để gây nên cho Phật tử một đời sống bình dị và chính đáng.

VI) CHÁNH TINH TẤN — Siêng năng chơn chính. Tinh tấn là một đức tính tốt nhất; mà cũng là một yếu kiện cần thiết nhất cho đời người. Vì, mọi thành công vẻ vang ở quá khứ cũng như hiện tại của những vĩ nhân, đều không thể thiếu sự khổ hữu ấy; nghĩa là không thể thiếu đức tinh tấn mà được thành công. Cho nên đức Phật thường dạy: «Người tại gia tinh tấn thì sự nghiệp được huy hoàng; người xuất gia tinh tấn thì đạo nghiệp mãi tăng trưởng, và họ dễ dàng tiến gần Phật quả» (kinh Bồ tát bản hạnh).

Hơn nữa, đứng trước mọi loài hữu tình, ta không thể phủ nhận năng lực tiến triển nhịp nhàng chung. Song, quan niệm bất đồng giữa loài người và mọi loài

hữu tình khác, đã được chứng minh một cách rõ ràng. Chính Đại tướng Bửu Hưu trong bài tựa kinh Viên Giác số đã nói: « Loài trời thì sung sướng quá, loài A tu la hay nóng nảy giận dữ, địa ngục đau khổ, ngã quỷ đói khát, súc sanh ngu mê, lo sợ, cho nên đều khổ tu hành... Chỉ có loài người là không khổ lắm, không sướng lắm, có thể phát tâm rộng lớn, lợi cho mình, lợi cho người, tu hành theo chánh pháp, cho đến khi chứng quả Vô thượng Bồ đề ».

Và lại, lý vô thường trong đạo Phật còn câu thúc người Phật tử tinh tấn, cho nên họ đã khẩn khái nói: « Người xưa trọng một tắc bóng hơn một thước ngọc bích; ta nay một ngày không làm là một ngày không ăn... » (thuật Cảnh sách).

Những lẽ ấy, buộc người Phật tử không thể giải đãi, trái lại người Phật tử vẫn luôn luôn tinh tấn: Phật tử tinh tấn, vì muốn thành công trên sự nghiệp tu hành; đề tích cực hóa độ chúng sanh, Phật tử tinh tấn, vì tôn trọng tánh linh siêu việt của mình; hơn nữa Phật tử tinh tấn, vì đã thấu nhận được lẽ vô thường, mà không sự vật gì thoát ngoài vòng chi phối ấy. Những quan niệm trên cũng đã chứng minh hạnh tinh tấn chân chính của người Phật tử rồi.

VII) CHÁNH NIỆM — Ghi nhớ chân chính. Người Phật tử luôn luôn giữ ý niệm thanh tịnh; vì ý niệm có thanh tịnh, mới đi sâu vào chân lý, thâm diệu của Phật đấng được; đó là một sự kiện tối tiên. Và lại người Phật tử càng đi sâu vào giáo điển bao nhiêu thì ý niệm người Phật tử càng được kiên cố và sáng suốt bấy nhiêu. Sự kiên cố và sáng suốt ấy đã thiết thực giúp ích người Phật tử trong sự tu hành, cũng như sự tri ân và tri đức, mà nhiệm vụ cũng như tư cách buộc người Phật tử không thể thiếu hay bỏ qua.

Người Phật tử giữ niệm chân chánh, đó là một căn điếm mà tất cả phẩm hạnh cũng như đạo đức sẽ được tăng cường. Và lại, ý niệm còn quan hệ cho sự tiến tới hay giụt lùi trên đường lý tưởng... vì thế mà sự gìn giữ ý niệm của người Phật tử, đã trở thành một vấn đề quan trọng; có thể bảo rằng: sự gìn giữ ấy phải như người giữ gìn sự trong trắng cho một tấm lụa mới tinh...

— Vì, chỉ một tạp niệm đen tối, cũng đủ làm hoen ố cho sự trong trắng muôn vàn ấy bởi vậy mà Phật tử luôn luôn giữ ý niệm chân chánh.

VIII) CHÁNH ĐỊNH. — Thuyền định chân chánh. Thuyền định là một thiết kiện tất nhu cho sự phát triển trí huệ. Nói một cách khác, trí huệ được phát triển đều không thể thiếu thuyền định. Với Phật tử, trí huệ là thân mạng, cho nên thuyền định là một sự hỗ trợ rất cần cho sự sinh trưởng thân mạng ấy. Song thuyền định vẫn có tà định và chánh định. Tà định là những lối tu tập thuyền định theo ngoại đạo tà giáo, mà mục đích chỉ vì sự an lạc cho tư thân; nghĩa là chỉ huyền tưởng những cảnh giới yên tịnh xa xăm, để trí định tinh thần mình vào nơi ấy! Trái lại là lối tu thuyền chân chánh của Phật đà. Vì tu thuyền định của Phật đà có nghĩa là làm lắng đọng tất cả các niệm lực phức tạp của tư tâm, đồng thời tích cực phát triển trí huệ, bằng cách thể cứu chân lý qua các điếm, tương duyên tương quan của vũ trụ, và lý nhân quả luân hồi v. v. của sự vật, để hỗ trợ cho sự tu hành.

Tuy nhiên, người Phật tử vẫn thật hành ý niệm thuyền định để thể nhập cảnh giới Tịnh độ trang nghiêm...

Song cảnh giới Tịnh độ ấy, chỉ có nghĩa là chơn thường bất biến; mà lý tướng bất biến ấy, vẫn không ngoài bản thể thanh tịnh của tự tâm. Liều đạt bản thể tự tâm; tức là thể nhập cảnh giới trang nghiêm tịnh độ. Như vậy, với ý nghĩa: tu thuyền để cầu sanh tịnh độ của Phật tử nào phải là một quan niệm huyền tưởng ở một cảnh giới xa xăm! . Trái lại còn là một lối tu rất siêu việt và thiết lợi của Phật tử. Cho nên người Phật tử muốn đi sâu vào chân lý Phật đờ, cũng như muốn thể nhập cảnh giới vô thượng của chư Phật; tất cả đều chú trọng một quan điểm cần thiết: tu thuyền. Vì lẽ ấy mà Phật tử phải tinh tấn tu thuyền; nhưng phải tu tập theo phương pháp thuyền định chơn chính của đức Phật; chứ không nên tu tập theo lối tà thuật của Ngoại Đạo.

Tám điều trên đây là những điều cần thiết hỗ trợ và hóa hợp trong triều sống vô tận của chơn tinh thần người Phật tử. Tám điều này đức Phật gọi là tám con đường chơn chính; thông thường hay gọi là « Bát chánh đạo ». Nói một cách khác; bát chánh đạo là tám con đường chơn chính do đức Phật đề thuyết ra, để người Phật tử y theo đó, mà tự gây cho mình một đời sống chơn chính và hữu ích.

# AN XƯƠNG

Theo "ANTON Famé de tous"  
của ETAFAN LWEIG.

Một thiếu-niên Phật-tử phong dịch

An-Xương không nghề nghiệp nhất định. Từ sáng đến chiều y lang thang dọc hè phố, không mục-dịch rõ-rệt, với đôi mắt mở rộng.

Có lần người ta thấy y xiêu dầy. Có khi y dắt một đoàn em bé đi dạo. Mọi người đều chạy đến tìm AN-XƯƠNG, lúc có việc gì cần thiết. Một buổi kia y bán khoai tây ngoài chợ vì cô hàng đang ở cử.

An-Xương cương quyết từ chối không nhận quá số tiền cần thiết để sống qua ngày ấy. Có khi y không nhận gì cả.

«Tôi sẽ tìm đến Ông, khi tôi cần gì» y bảo. Y không gói tiền vào «quỹ tiết kiệm» tiền y nắm sẵn trong ví mọi người.

Chỉ cần nhìn AN-XƯƠNG bước xuống đường là biết thiên hạ quý mến y dường nào. Ai cũng chào y, xiết tay y. Con người không vụ tư ấy đi dạo chơi thành thoi trong thành phố với một cái áo vét quá thời, như một ông tài chủ đi khám xét cơ-nghiệp của mình, với một nét mặt vui-vẻ.

Y có thể bước vào bất cứ ở đâu, ngồi bất cứ bàn nào.

Một lần tôi cần sửa cái xối nước, sai mụ ở đi tìm y.

« Không thể tìm được. AN-XUONG không bao giờ ở một chỗ, mụ trả lời, nhưng tôi có thể báo tin trước ».

Y không có nhà nhưng liên lạc với y cũng dễ. Như có một thứ điện-thoại chạy đi khắp tất cả thành phố. Chỉ cần nói với người đầu tiên anh gặp « Tôi cần gặp AN-XUONG » Thế là cứ truyền đi từ miệng này sang miệng khác cho đến lúc có một kẻ giáp mặt AN-XUONG.

... AN-XUONG sửa xong, lại đi, trước khi tôi có thể tỏ lời cảm ơn.

Tôi bảo mụ ở trả tiền rất hậu. Tôi hỏi mụ, AN-XUONG có bằng lòng không.

« Bằng lòng thì bao giờ AN-XUONG cũng bằng lòng, mụ thừa, tôi đưa cho y 6 Shilling mà y chỉ nhận có 2, đủ tiền sống qua ngày hôm nay, và ngày mai. Nhưng y bảo nếu Ông có một « bặt-dờ-xuy » cũ nào thừa ra.....

Tôi mừng rỡ đuổi theo AN-XUONG vừa kêu : « AN-XUONG ! AN-XUONG ! tôi có một bặt-dờ-xuy cho anh ».

AN-XUONG không ngạc-nhiên ; với y một người có một cái « bặt-dờ-xuy » mà không cần dùng thì chưa một người khác cần dùng hơn.

... AN-XUONG nhìn chõng áo quần cũ, lấy ra một cái « bặt-dờ-xuy » thừa, rồi âm lặng nói :



« Cái này cần cho tôi đây ».

Rồi lướt mắt qua những áo quần khác :

« Dày này Ông có thể cho thằng PHƠ-RÍT ở xóm « XAN XẺC RẮT », hẳn cần một đôi. Còn sơ-mi này, thằng RÔ-DÉP ở đầu Ngã-tur, hẳn chỉ việc vá lại mà mặc. Nếu ông muốn, tôi sẽ mang lại đùm cho bọn ấy.

Y nói với một giọng bình thản, độ lượng như một kẻ thi ân.

... Trong những lúc bực dọc vì những vấn đề tiền tài nhỏ-nhen, tôi thường kêu gọi hình ảnh con người ấy, người chỉ sống ngày nào xong ngày ấy, im lặng và tin-tưởng vì những nhu-cầu phải thỏa mãn nhưng không quá ngày hôm ấy. Và mỗi lần tôi kết luận :

« Nếu mọi người hiểu được bí quyết của sự tin cậy nhau, thì không cần có cảnh sát, tòa-án, nhà tù.... và cả đến tiền bạc nữa. Và phải chăng, cái hệ thống kinh tế phiền toái ngày nay sẽ có phần đáng lạc quan hơn nếu ai cũng sống như AN-XUÔNG ; làm hết sức mình và ngược lại, chỉ nhận vừa sít những vật mình cần thiết ».

Tôi không nghe nói đến AN-XUÔNG từ mấy năm nay. Nhưng tôi không lo cho y. Tôi biết rằng, không bao giờ trời đất bỏ y và hiềm hoi hơn nữa, người bỏ y.

# TIN TỨC

**TỔNG TRỊ SỰ.** — 1) Nhân lễ Vía Xuất-Gia của Đức Bồn-Sư THÍCH-CA MAU-NIPHẬT và Kỷ-niệm chu-niên thứ XIX của HỘI, Tổng Trị-Sự đã xuất-bản quyển Kinh BÁT ĐẠO NHÂN GIÁC do một số Đạo-hữu phát-tâm ấn-tống.

2) Đại-Hội GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ các Tỉnh-Hội tại Trung Việt đã khai mạc vào ngày 24, 25 và 26 tháng 3 năm 1951 tại chùa TỪ-ĐÀM và Hội-Quán Tổng-Trị-Sự (Thuận-Hóa). Hội-nghị đã thảo-luận xong bản Nội-quy-trình và chương-trình hoạt-dộng của Gia-Đình Phật-Tử. Ban Hướng-Dẫn G.Đ.P.T. Tổng-Hội đã bầu xong do đạo-hữu VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG làm Trưởng-Ban. Hội-nghị đã thảo hoạch được nhiều kết quả tốt đẹp.

3) Hội-nghị THỐNG-NHẤT PHẬT-GIAO VIỆT-AM họp tại chùa TỪ-ĐÀM các ngày 6, 7, 8 và 9-5-51. 51 Đại-biêu của Hội Phật-Học Nam-Việt, Sơn-Môn Tăng-Già Trung-Việt, Hội Tăng-Ni Bắc-Việt, Sơn-Môn Tăng-Già Nam-Việt, Hội Việt-Nam Phật-Học Trung-Việt, Hội Việt-Nam Phật-Giáo Bắc-Việt đã về dự Hội-nghị, và 300 Phật-tử ở Thừa-Thiên đến dự-thính gồm có các vị Tăng-Già trong Sơn-Môn Thừa-Thiên và đạo-hữu các khuôn.

Các đại biểu đã thảo luận xong và lập thành bản điều-lệ quy-tắc của Hội Phật-Giáo Việt-Nam và bế-mạc vào chiều 9-5-51 sau khi đã bầu xong một Ban Quản-Trị Trung-Ương do Ngài Hòa-Thượng Thích TỊNH-KHIẾT làm Hội Chủ. Hội-nghị đã thảo hoạch được kết quả mỹ mãn.

4) Trong dịp Lễ Đản-Sanh của Đức Bồn-Sư (8-4-2514) Tổng-Trị-Sự đã tổ chức một buổi Giảng công cộng tại Hội-Quán I-B Nguyễn-Hoàng; Số thính giả trên 4.000 người.

5) Sẽ tổ chức một trại «Huấn Luyện Ủy-Viên» cho Gia-Đình Phật-Tử tại Thuận-Hóa (trong dịp nghỉ hè) để các tỉnh cử người về dự học từ 15 đến 30-6-1951.

## TIN TỨC CÁC TỈNH

**QUẢNG-BÌNH.** — 1) Theo lời yêu cầu của Tỉnh-Hội Quảng-Bình, Tổng-Trị-Sự đã thỉnh thầy Giảng-Sư THÍCH-TRÍ-QUANG ra giảng tại Tỉnh-Hội ấy trong thời gian từ 15-3 đến 21-3-51 kết quả rất mỹ mãn.

2) Tổng-Trị-Sự đã nhận ngân phiếu 1.000\$ về khoản phụ nạp kỳ thứ nhất niên-khóa 1951.

3) Nhân dịp lễ kỷ niệm Xuất-gia và chu-niên thứ XIX Hội Việt-Nam Phật-Học (8-2 - Phật-Lịch 2514) Tỉnh-Hội QUẢNG-BÌNH đã xin phép Tổng-Trị-Sự in thêm 500 quyển Kinh Bát Đại Nhân Giác để phân phối cho Hội Viên tại Tỉnh hội.

**QUẢNG TRỊ.** — 1) Tổng-Trị-Sự đã nhận số tiền 1.500\$00 về khoản phụ-nạp T.T.S. kỳ thứ nhất niên-khóa 1951.

2) Theo lời yêu-cầu của Tỉnh-Hội:

a) Tổng-Trị-Sự đã thỉnh Thầy Giảng-Sư Thích THIÊN-MINH ra giảng và tổ-chức tại Tỉnh-Hội một lớp học về Phật-Pháp từ 22-2-51 đến 13-3-51. Kết quả rất mỹ mãn.

b) T.T.S. đã thỉnh Thầy THIÊN-ÂN ra giảng trong dịp lễ Vía Xuất-Gia của Đức Bồn-Sư và Kỷ-niệm Chu-niên thứ XIX của Hội Việt-Nam Phật-Học. Kết quả rất mỹ-mãn, (tại Tỉnh-Hội và các Chi Hội Đồng Hà, Triệu-Phong).

**THỪA THIÊN.** — 1) Đã cùng với Sơn-Môn Tăng-Già Thừa-Thiên tổ-chức lễ Vía Xuất-Gia của Đức Bồn-Sư (8/2 P.L. 2514) rất trang-nghiêm long-trọng.

2) Đã nhận số tiền 2.500\$00 về phụ-nạp T.T.S. kỳ thứ nhất niên-khóa 1951.

3) Đã nhận số tiền 200\$30 của Khuôn Tịnh-Độ AN-CUU cúng-dường Thầy Giảng-Sư Thích THANH-THÙY hiện đau điều-dưỡng tại miền Nam.

4) Đã cùng với Sơn-Môn Tăng-Già Thừa-Thiên tổ-chức lễ Đản-Sanh của Đức BỒN-SƯ tại chùa TỬ-ĐÀM. Lễ tuy đơn giản nhưng rất tôn-nghiêm; người đến hành lễ rất đông mặc dầu trời nắng gắt gào.

## TIN TỨC (Tiếp trang trong)

**ĐÀ NẴNG.** — 1) Đã nhận ngân-phiếu 2.000\$00 về khoản phụ-nạp niên-liêm kỳ thứ nhất niên khóa 1951.

2) T.T.S. đã thỉnh Thầy Giảng-sư Thích MẬT-NGUYỄN và cử Đạo-hữu LÊ-MỘNG-TÙNG Đại-diện T.T.S vào thuyết-pháp và chính-đốn Phật-sự của Tỉnh-Hội.

3) Đã nhận ngân-phiếu 2.000\$00 về khoản lạc cúng vào quỹ Cúng-Dường Giảng-Sư T.T.S.

4) Đã nhận ngân-phiếu 2.000\$00 về khoản phụ-nạp T.T.S. kỳ thứ hai niên khóa 1951.

5) Đã nhận số tiền 300\$00 về khoản cúng-dường Thầy THÍCH THANH-THÙY hiện đau điều-dưỡng tại miền Nam.

**QUẢNG NAM.** — T.T.S. đã thỉnh Thầy Giảng-Sư Thích MẬT-NGUYỄN và cử Đạo hữu LÊ-MỘNG-TÙNG vào thuyết-pháp và chính đốn Phật-sự của Tỉnh-Hội.

**LÂM VIÊN.** — 1) Đã nhận ngân-phiếu 5.900\$00 về khoản phụ-nạp T.T.S. 2500\$ Cúng-Dường Giảng-Sư 2.400\$00 và chi-Hội CẦU-ĐẤT phụ-nạp T.T.S. 1.000\$00.

2) Đã nhận ngân-phiếu 3.500\$00 về khoản phụ-nạp T.T.S. niên-khoá 1951.

3) Đã nhận ngân-phiếu 1.500\$00 của chi-hội CÔNG HÌNH lạc-cúng vào quỹ cúng-dường Giảng-Sư T.T.S.

**ĐỒNG NAI THƯỢNG.** — Đã nhận ngân-phiếu 750\$00 về khoản phụ-nạp T.T.S. kỳ thứ nhất khóa 1951.

**KHÁNH HÒA.** — Đã nhận ngân-phiếu 4.600\$00 về khoản phụ-nạp niên-liêm T.T.S. kỳ thứ nhất niên-khoá 1951.

**NINH THUẬN.** Đã nhận ngân-phiếu 1.500\$00 về khoản phụ-nạp Tổng-Trị-Sự đệ-lục cá-nguyệt niên-khoá 1951.

TÒA-SOẠN VIỆN - ÀM

Số 1 đường Nguyễn-Hoàng - Huế

Quản-lý:

Ô. TÔN-THẬT-HÀNG

NHÀ IN TÂN-HOÀ. HUẾ

GIÁ : 10\$00